



TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỖNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập TOÁN



TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập **TOÁN**



1

TẬP HAI

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM





Lời nói đầu

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến.

Để củng cố và rèn luyện các kiến thức, kỹ năng; phát triển năng lực toán học cũng như các phẩm chất cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhóm tác giả **Chân trời sáng tạo** trân trọng giới thiệu bộ sách **VỞ BÀI TẬP TOÁN** dùng cho cấp Tiểu học.

Bộ sách gồm 10 tập, tương ứng với mỗi lớp 2 tập. Trong mỗi tập sách, các nội dung được giới thiệu theo trình tự sách giáo khoa Toán Tiểu học với hệ thống bài tập đa dạng và phong phú. Trong mỗi phần, các bài tập tự luận và trắc nghiệm được giới thiệu đan xen và đặc biệt có một số đề kiểm tra dùng để tham khảo.

Bộ sách này có thể coi như nguồn tư liệu trong quá trình dạy học.

Giáo viên có thể lựa chọn những nội dung phù hợp với các đối tượng học sinh, các em không nhất thiết phải làm hết các bài trong sách.

Học sinh có thể dùng **VỞ BÀI TẬP TOÁN** trong buổi học thứ nhất (khi đã làm hết các bài trong sách giáo khoa), đặc biệt hữu ích ở buổi học thứ hai và trong các giờ tự học.

Với những tình huống và hình vẽ vui nhộn, gần gũi với cuộc sống, bộ sách tạo điều kiện để học sinh tương tác với sách qua nhiều hình thức (viết, vẽ, tô màu, ...), chúng tôi hi vọng bộ sách này thực sự mang đến niềm vui cho các em khi học toán.



MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
4. Các số đến 20	5
• Các số đến 20	6
• Các phép tính dạng $10 + 4, 14 - 4$	12
• Các phép tính dạng $12 + 3, 15 - 3$	13
• Chiếc đồng hồ của em	14
• Em làm được những gì?	16
• Kiểm tra	18
5. Các số đến 100	21
• Chục – Số tròn chục	22
• Các phép tính dạng $30 + 20, 50 - 20$	26
• Chục – Đơn vị	27
• Các số đến 40	29
• So sánh các số	33
• Các số đến 100	37
• Bảng các số từ 1 đến 100	44
• Các phép tính dạng $34 + 23, 57 - 23$	50
• Em làm được những gì?	54
• Các ngày trong tuần	56
• Tờ lịch của em	58
• Thực hành và trải nghiệm	60
• Kiểm tra	62
• Độ dài	64
• Đo độ dài	66
• Xăng-ti-mét. Đơn vị đo độ dài	68
• Em làm được những gì?	71
• Ôn tập cuối năm	79
• Thực hành và trải nghiệm	90
• Kiểm tra cuối năm	92

4. Các số đến 20





CÁC SỐ ĐẾN 20

1 a) Nối (theo mẫu).

	•	11
	•	12
	•	13
	•	14
	•	15
	•	16
	•	17
	•	18
	•	19
	•	20

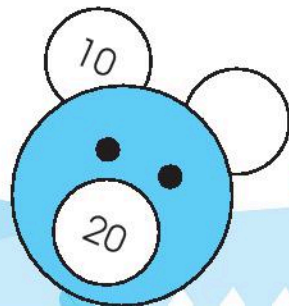
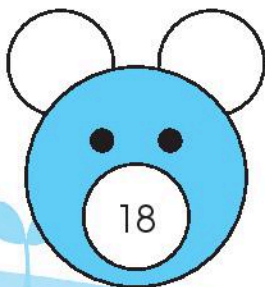
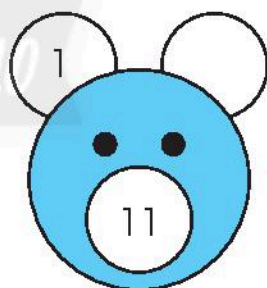
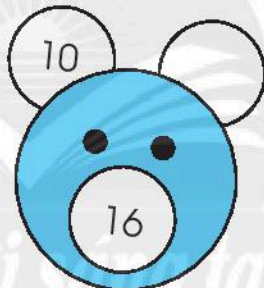
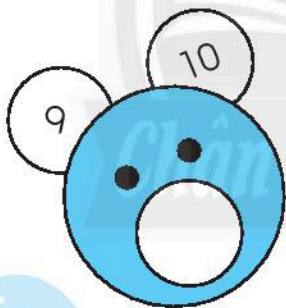
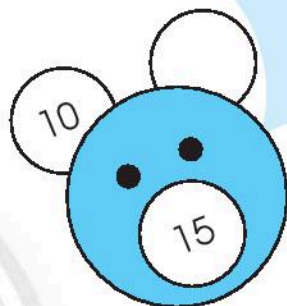
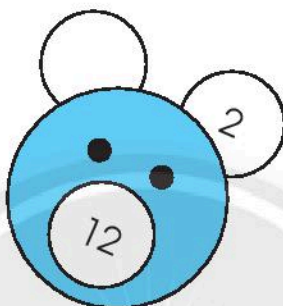
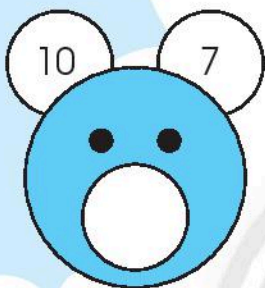
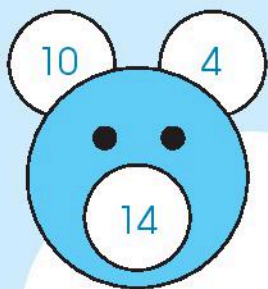
Đổi sáng tạo

b) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

10, 11, 12,, 15,, 19, 20.

2 Viết số (theo mẫu).

Mẫu:



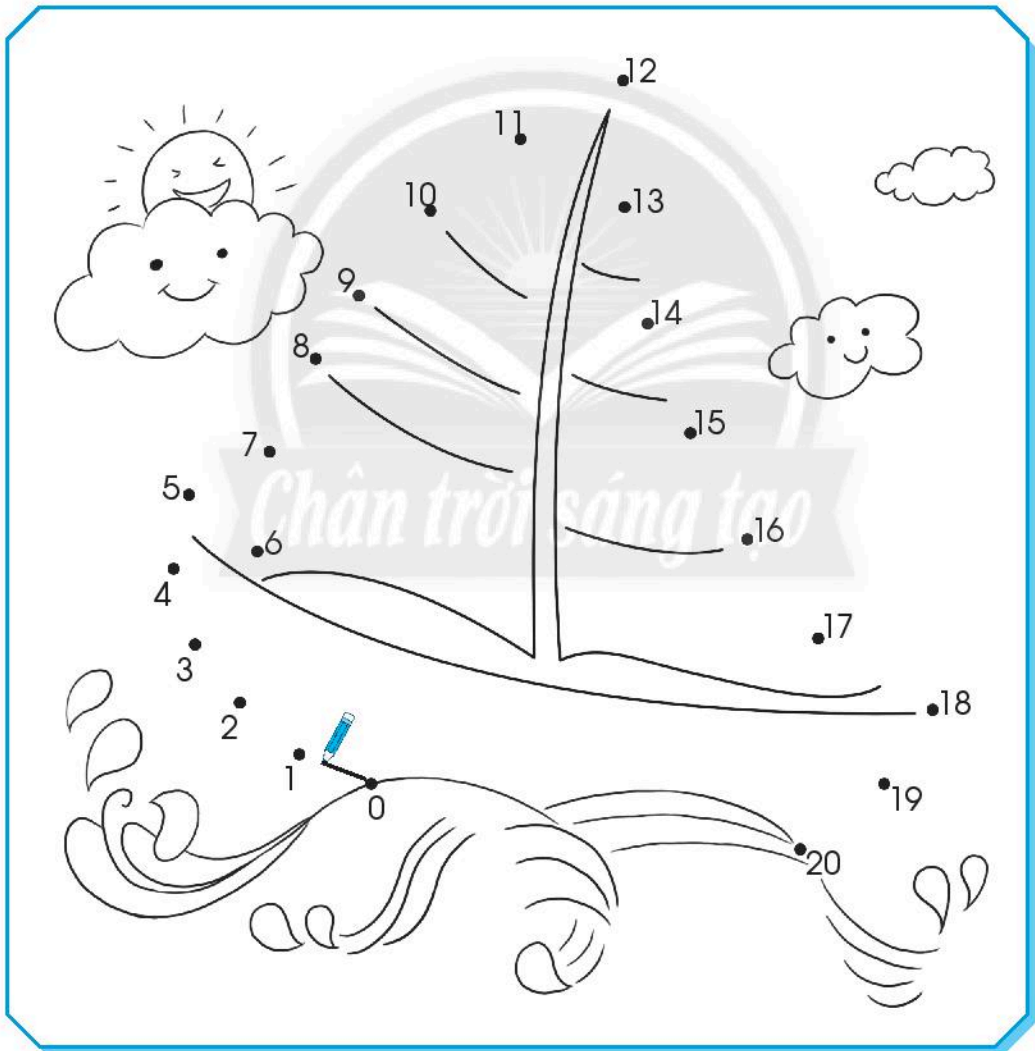
3 a) Viết các số còn thiếu.

b) Tô màu các ô

2, 4, 6, ..., 20.

1	2	3		5
6	7			10
11			14	
	17			

4 Nối theo thứ tự từ bé đến lớn rồi tô màu.



5

$>$	$12 \dots 15$	$20 \dots 16$	$7 \dots 12$
$=$? $11 \dots 8$	$9 \dots 19$	$13 \dots 13$
$<$	$17 \dots 17$	$14 \dots 20$	$18 \dots 10$

6 Tô màu số lớn nhất.

15	17	16	19	10	20
------	------	------	------	------	------

7 Tô màu số bé nhất.

18	19	10	13	11	14
------	------	------	------	------	------

8 Viết các số sau theo thứ tự.

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.

Chân trời sáng tạo

.....

.....

.....

.....

Chân trời sáng tạo

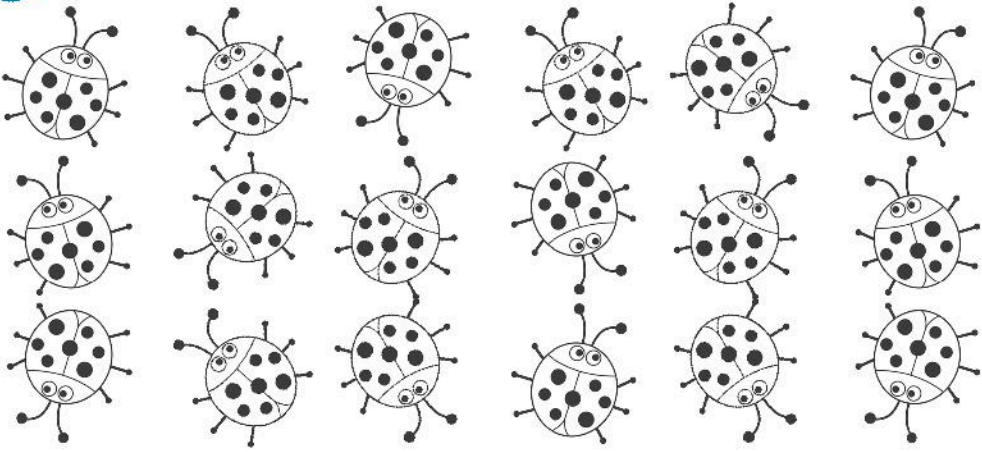
.....

.....

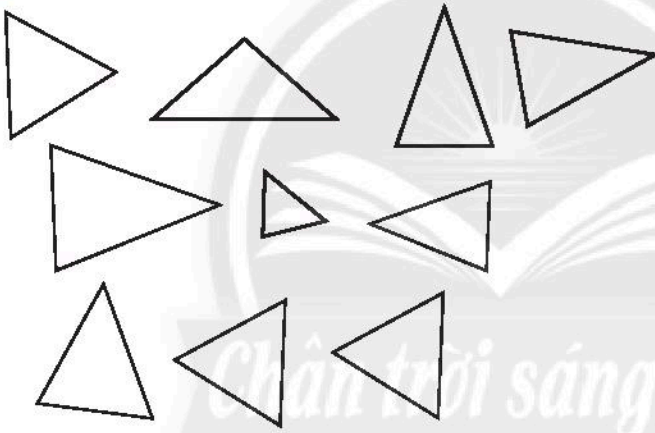
.....

.....

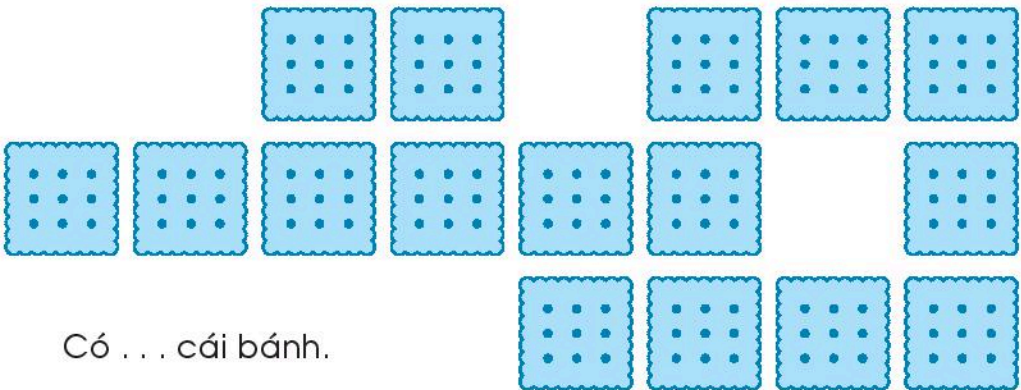
9 Tô màu 14 con bọ rùa.



10 Vẽ thêm cho đủ 17 hình tam giác.





11 Đếm rồi viết số cái bánh.



Có . . . cái bánh.

12 Có bao nhiêu con mỗi loại?



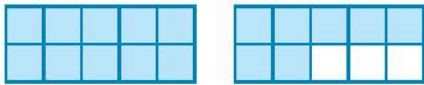
	
<input type="text"/>	<input type="text"/>



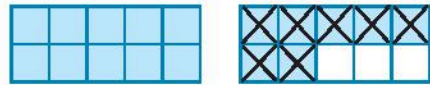
CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $10 + 4$, $14 - 4$

Làm theo mẫu.

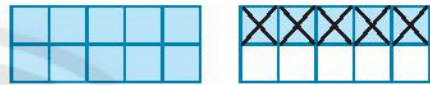
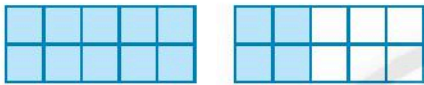
Mẫu:



$$10 + 7 = 17$$



$$17 - 7 = 10$$



.....

.....



$$10 + 2 = \dots$$



$$18 - 8 = \dots$$



$$10 + \dots = 16$$



$$11 - \dots = 10$$



$$5 + 10 = \dots$$



$$17 - 10 = \dots$$



$$20 = 10 + \dots$$



$$3 = 13 - \dots$$

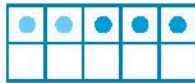


CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $12 + 3$, $15 - 3$

Tính:

1

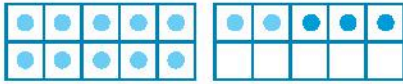
a)



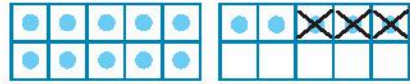
$$2 + 3 = \dots$$



$$5 - 3 = \dots$$



$$12 + 3 = \dots$$



$$15 - 3 = \dots$$

b)

$3 + 4 = \dots$

$8 - 5 = \dots$

$13 + 4 = \dots$

$18 - 5 = \dots$

$6 + 3 = \dots$

$7 - 4 = \dots$

$16 + 3 = \dots$

$17 - 4 = \dots$

2

$16 + 2 = \dots$

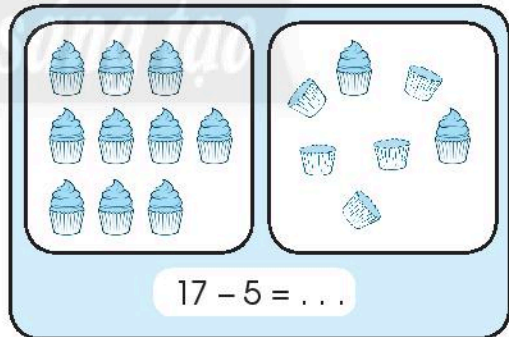
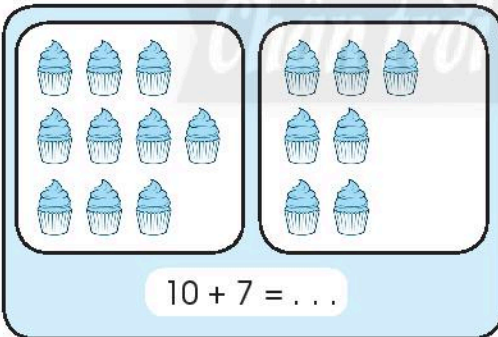
$19 - 4 = \dots$

$12 + 7 = \dots$

$14 + 5 = \dots$

$13 - 3 = \dots$

$18 - 6 = \dots$



$$10 + 7 - 5 = \dots$$

3

$11 + 5 - 6 = \dots$

$20 - 10 + 0 = \dots$

$19 - 9 + 9 = \dots$

$15 + 4 - 7 = \dots$



CHIẾC ĐỒNG HỒ CỦA EM

1. Viết số vào chỗ trống.



2. Vẽ kim giờ phù hợp với mỗi đồng hồ.



3 Viết giờ xuất phát.

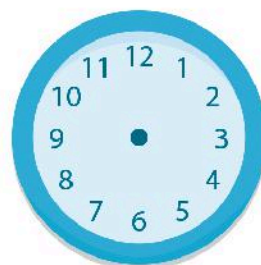
Viết giờ đến nơi.
Vẽ kim phút, kim giờ.



... giờ



2 giờ



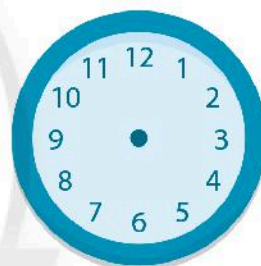
... giờ



... giờ



1 giờ



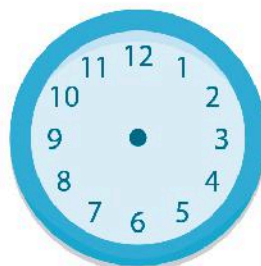
... giờ



... giờ



3 giờ

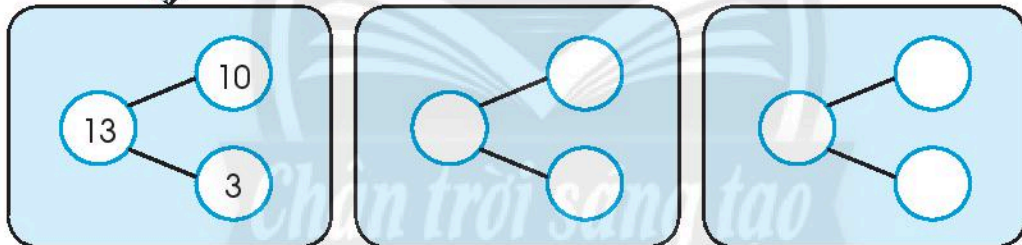
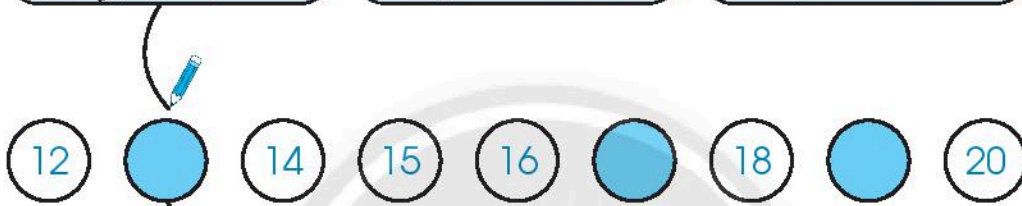
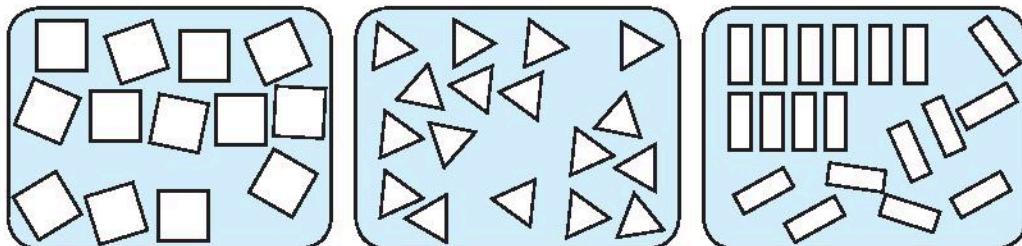


... giờ



EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Làm theo mẫu.



$$10 + 3 = 13$$

$$13 - 3 = 10$$

$$\dots + \dots = \dots$$

$$\dots - \dots = \dots$$

$$\dots + \dots = \dots$$

$$\dots - \dots = \dots$$

2 Nối.

$$16 < \square \bullet$$

• $15 + 2$

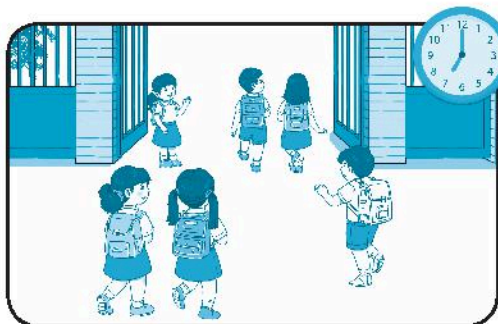
• $19 - 1$

• $16 + 0$

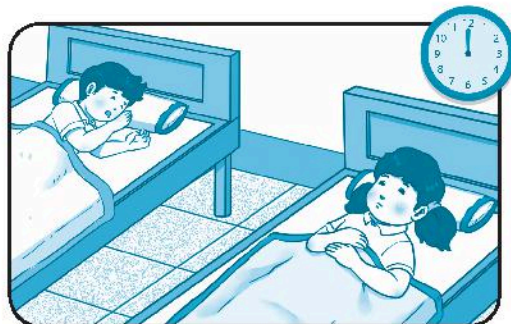
• 20

3 Viết vào chỗ chấm (theo mẫu).

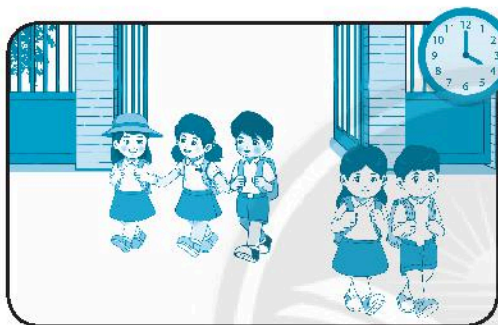
Mẫu:



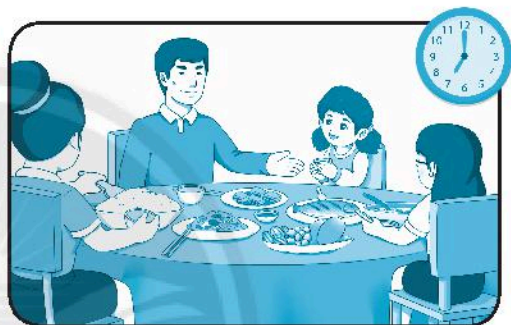
Em đến trường lúc 7 giờ sáng.



Em ngủ lúc ... giờ ...

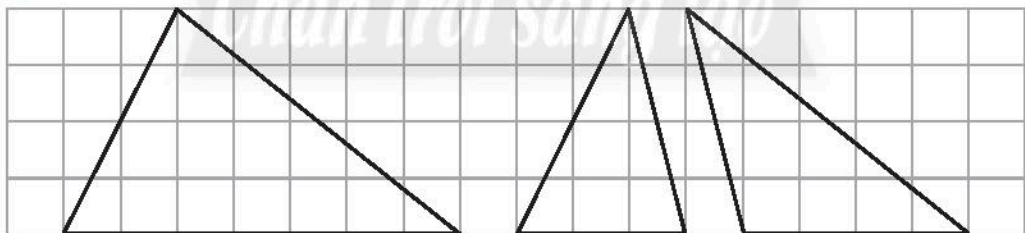


Em ra về lúc ... giờ ...



Em ăn cơm lúc ... giờ ...

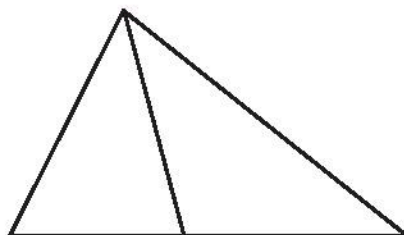
4 Tô màu các hình tam giác.



5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Hình vẽ bên có:

- A. 1 hình tam giác
- B. 2 hình tam giác
- C. 3 hình tam giác





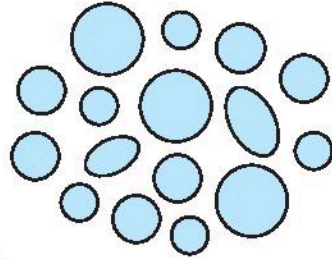
KIỂM TRA

A. TRẮC NGHIỆM

I. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

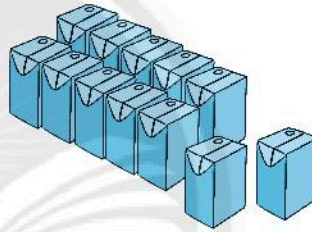
Câu 1. Có bao nhiêu hình tròn?

- A. 14
- B. 15
- C. 16

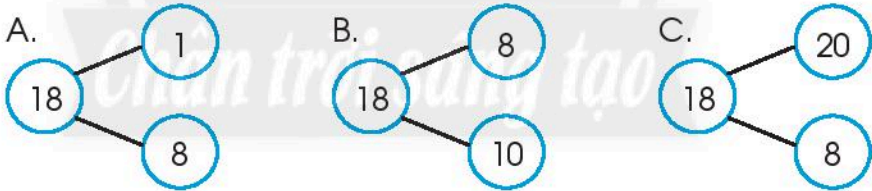


Câu 2. Có bao nhiêu hộp sữa?

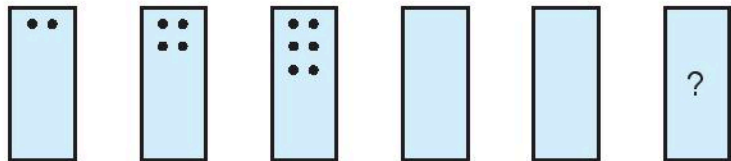
- A. 7
- B. 11
- C. 12



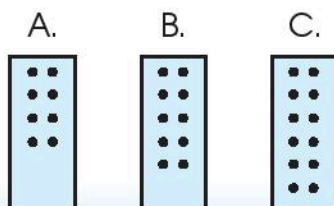
Câu 3.



Câu 4.

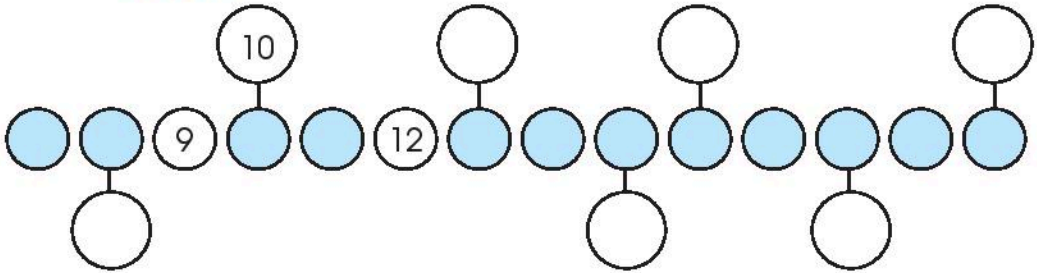


Hình cuối cùng là:



II. Làm theo mẫu.

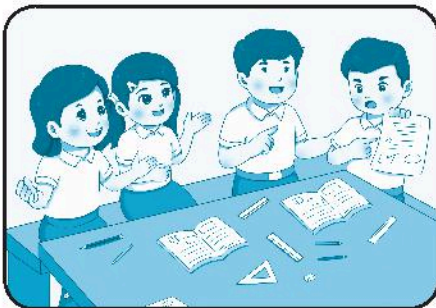
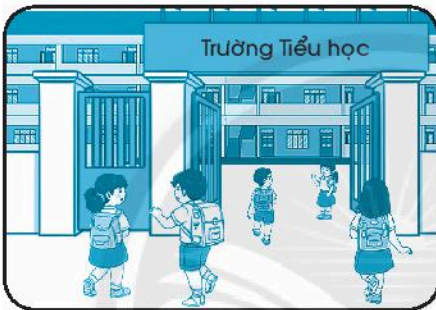
Câu 5. Viết số thích hợp vào .



Câu 6. Nối tranh với đồng hồ thích hợp.

Buổi sáng: Đến trường.

Buổi trưa: Ăn cơm.



Buổi chiều: Học nhóm.

Buổi tối: Nghỉ ở nhà.

B. TỰ LUẬN

Câu 1.

a) Tính:

$11 + 5 = \dots$

$19 - 4 = \dots$

$17 - 7 = \dots$

$6 + 10 = \dots$

b)

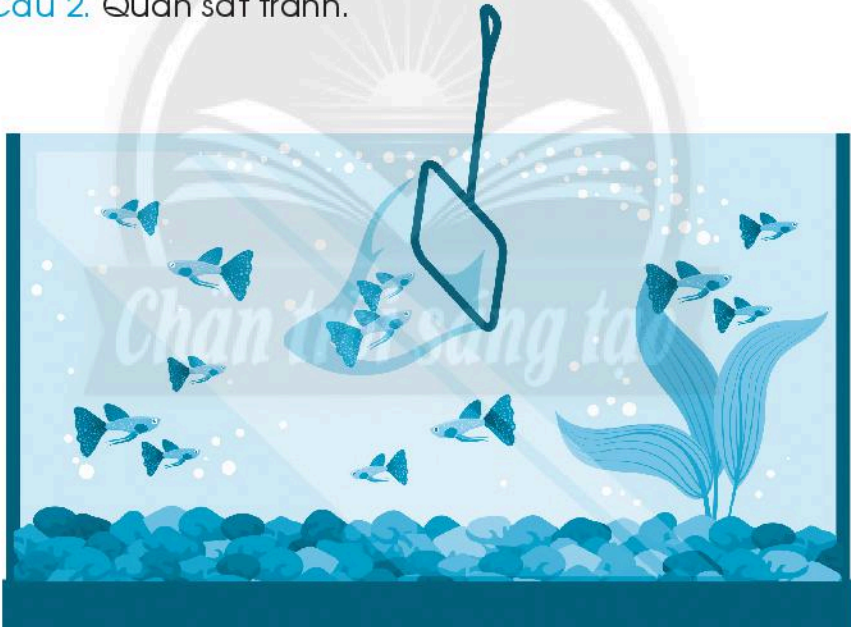


$14 - 3 \quad \square \quad 14$

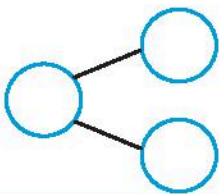
$? \quad 14 + 3 \quad \square \quad 14$

$14 - 0 \quad \square \quad 14$

Câu 2. Quan sát tranh.



a) Viết số.



b) Viết phép tính.

$\dots + \dots = \dots$

$\dots - \dots = \dots$

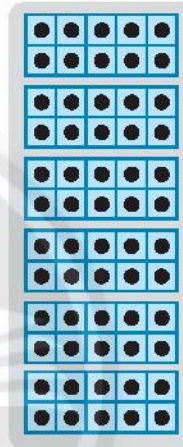
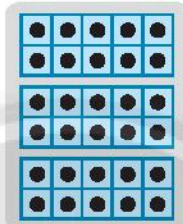
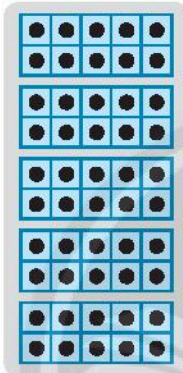
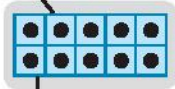
5. Các số đến 100





CHỤC - SỐ TRÒN CHỤC

1. Viết các số còn thiếu rồi nối (theo mẫu).



1
chục

4
chục

3
chục

2
chục

7
chục

5
chục

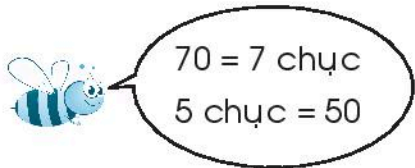
9
chục

6
chục

10
chục

8
chục

2 Viết vào chỗ chấm.



10 =

6 chục =

40 =

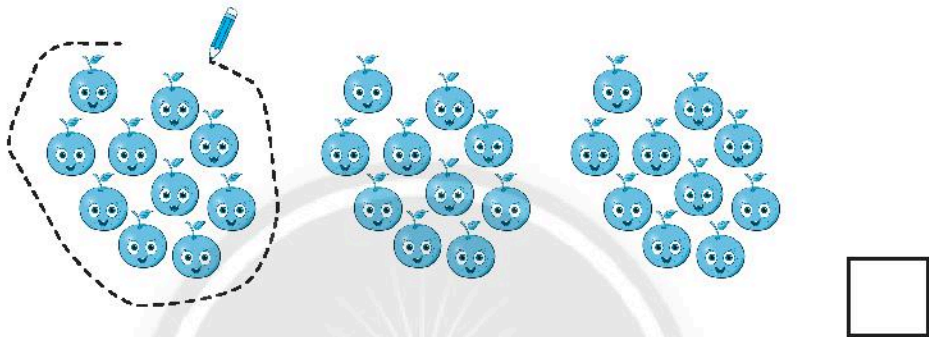
8 chục =

90 =

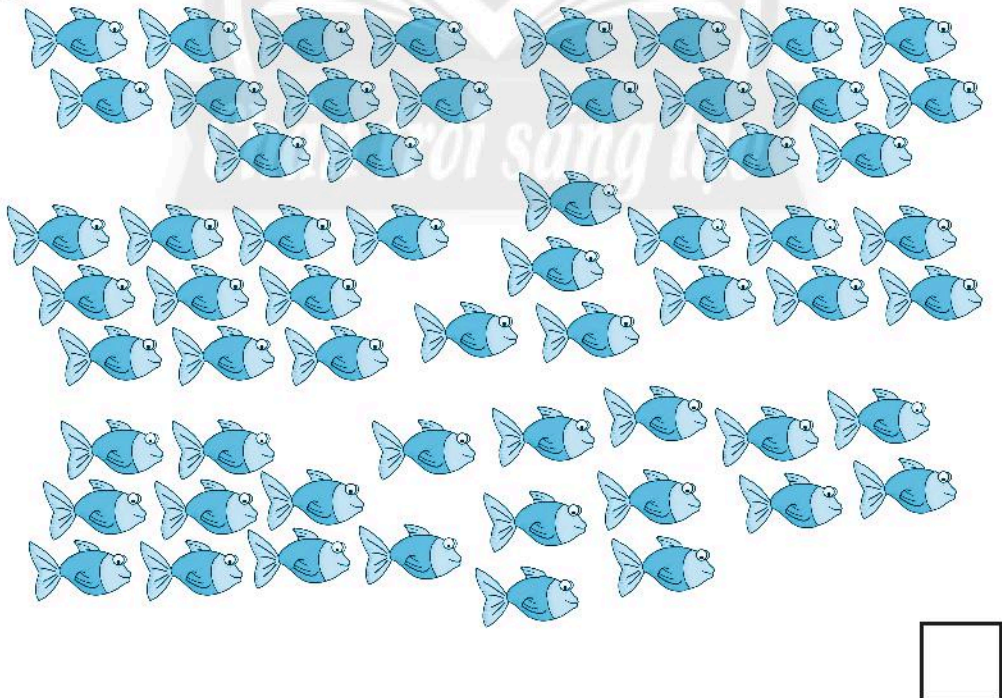
10 chục =

3 Đếm, khoanh đủ chục rồi viết số vào .

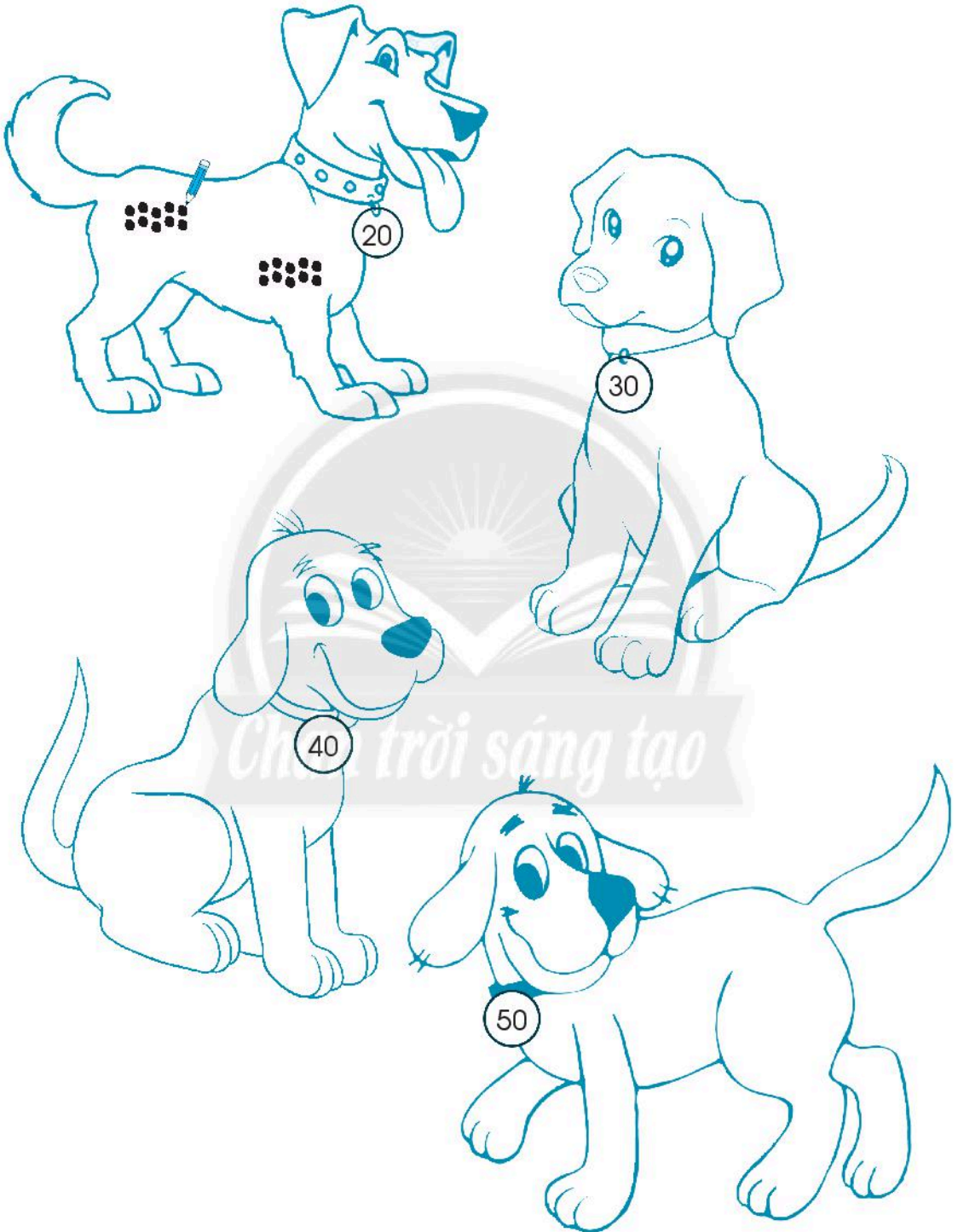
a)



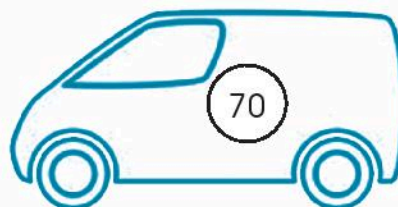
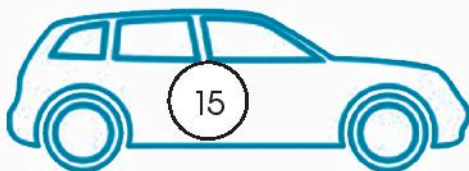
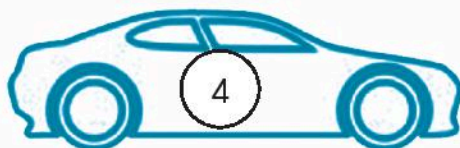
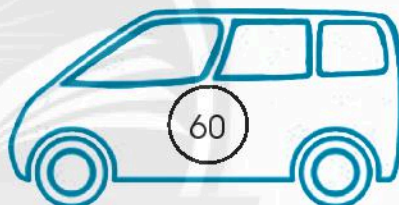
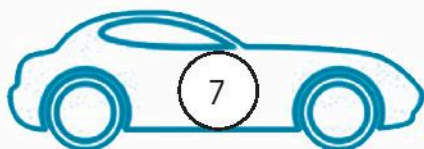
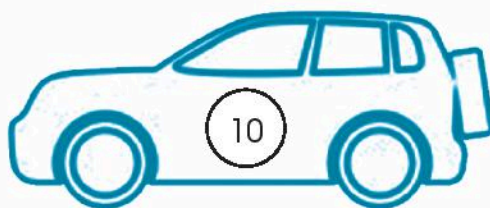
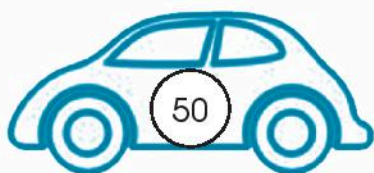
b)



4 Vẽ các chấm (theo mẫu).



5 Tô màu xe mang số tròn chục.





CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $30 + 20, 50 - 20$

1 Tính nhẩm.



$$50 + 30 = ?$$

$$5 \text{ chục} + 3 \text{ chục} = 8 \text{ chục}$$

$$50 + 30 = 80$$

$$60 + 30 - 60 = \dots$$

$$70 + 20 = \dots$$

$$60 - 30 = \dots$$

$$80 - 50 = \dots$$

$$20 + 40 = \dots$$

$$90 - 70 - 20 = \dots$$

2 Viết vào chỗ chấm.

$$40 + \dots = 70$$

$$\dots + 40 = 70$$

$$70 - \dots = 40$$

$$70 - \dots = 30$$

$$50 = 30 + \dots$$

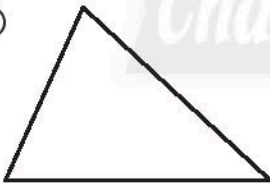
$$10 = 60 - \dots$$

$$40 = \dots - 50$$

$$100 = \dots + 20$$

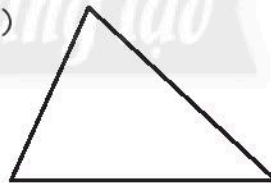
3 Kể thêm một vạch vào mỗi hình để có:

a)



2 hình tam giác.

b)



3 hình tam giác.

4 Viết phép tính phù hợp.



.....



CHỤC - ĐƠN VỊ

1 Viết vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu: 10 đơn vị = 1 chục

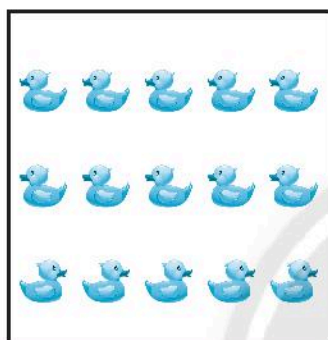
1 chục = ... đơn vị

30 đơn vị = ... chục

6 chục = ... đơn vị

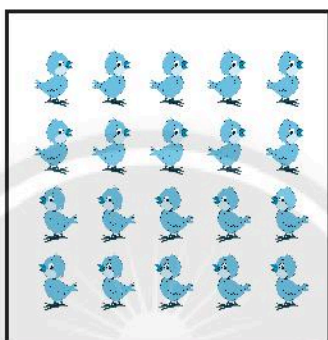
2 Viết theo mẫu.

Mẫu:



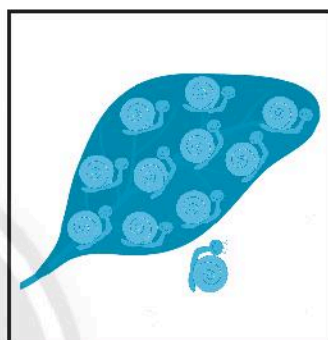
chục	đơn vị
1	5

15



chục	đơn vị

...



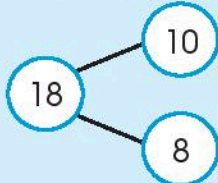
chục	đơn vị

...

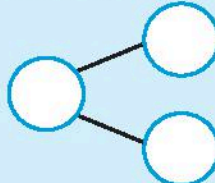
3 Viết theo mẫu.

Mẫu:

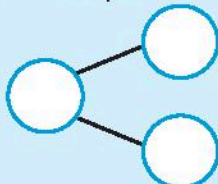
18 gồm 1 chục và 8 đơn vị



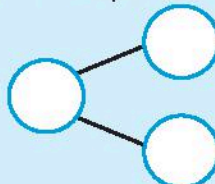
14 gồm ... chục và ... đơn vị



17 gồm ... chục và ... đơn vị



10 gồm ... chục và ... đơn vị

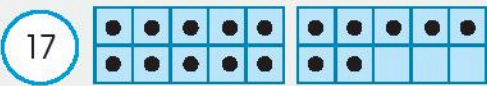



4 Đúng ghi đ, sai ghi s


16 gồm:

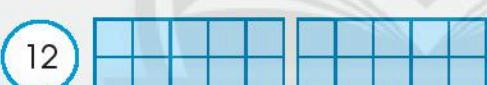
- 1 chục và 6 đơn vị
- 10 chục và 6 đơn vị
- 10 và 6

5 Vẽ các chấm tròn thể hiện số (theo mẫu).

Mẫu: 







6 Em viết câu về hoạt động trong ngày.

Ví dụ:



Lúc 9 giờ sáng, em học ở trường.



Lúc ... giờ, em



Lúc ... giờ, em



CÁC SỐ ĐẾN 40

1 Viết vào chỗ chấm.

Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
1	một	4
11	mười bốn
...	hai mươi mốt	24	hai mươi bốn
31		hai mươi tư
5	34
...	mười lăm	
25	hai mươi hai
...	ba mươi lăm	...	bốn mươi

2 Nối theo mẫu.

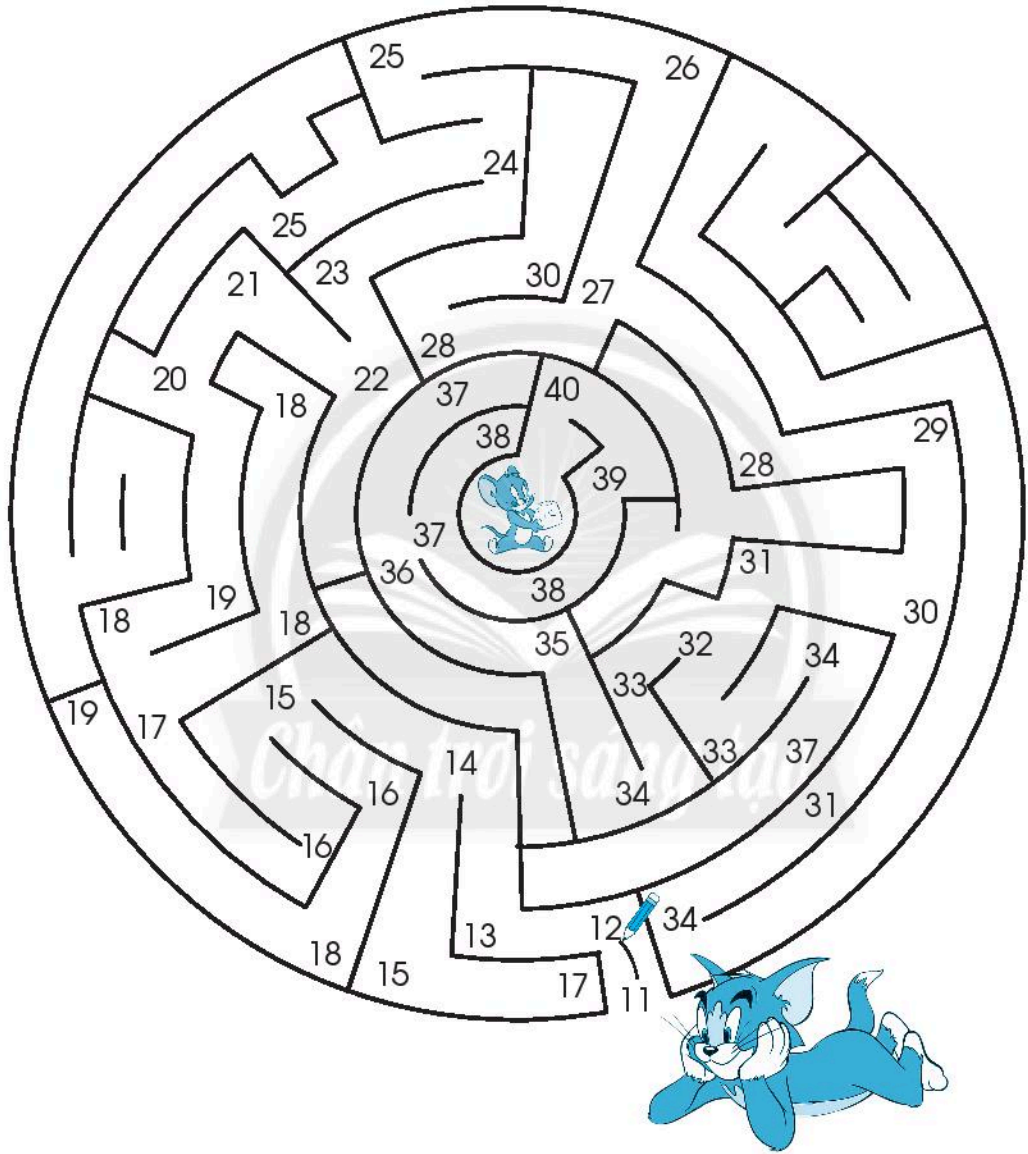
Nhân trời sáng tạo

17 < < 20

24 < < 27

3 Mèo đi đường nào để tìm chuột?

Muốn biết, em tìm cách nối lần lượt các số từ 11 đến 40.



4 Đếm rồi viết số vào .

a) Có bao nhiêu cái tai thỏ?



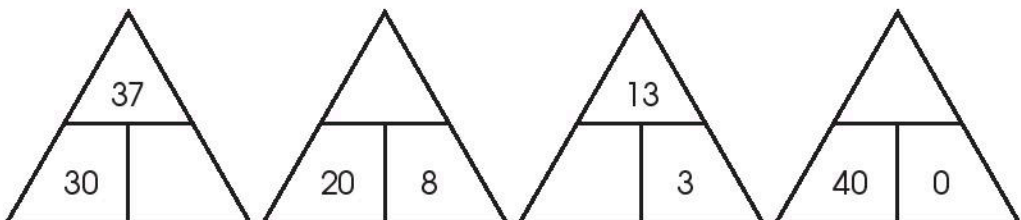
b) Có bao nhiêu viên kem?



c) Có bao nhiêu quyển sách?



5 Viết số vào sơ đồ tách - gộp số.



6 Vẽ thêm để đủ số lượng. Viết số vào chỗ chấm.

a)

34

34	
.....

30 + 4 =

34 - 4 =

b)

29

29	
.....

..... + =

..... - =

3



$37 \dots 34$

$20 \dots 9$

$25 + 4 \dots 25 - 4$

? $25 \dots 28$

$20 \dots 30$

$16 + 0 \dots 16 - 0$

$14 \dots 10$

$29 \dots 40$

$36 - 6 \dots 10 + 30$

4

Tô màu số lớn nhất.



5

Tô màu số bé nhất.

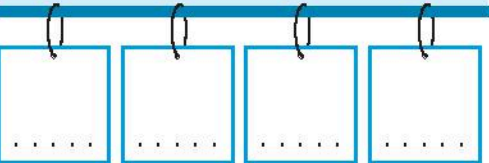
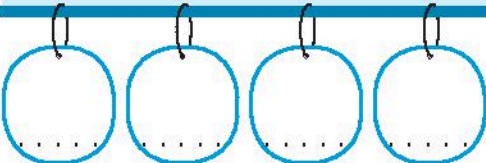
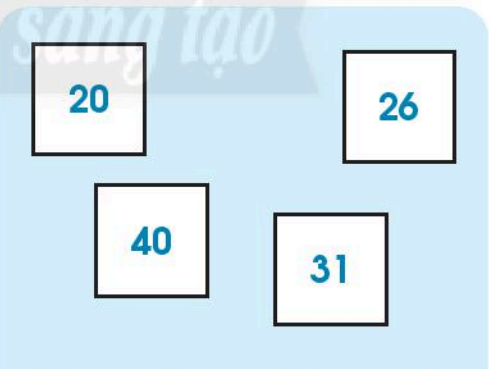
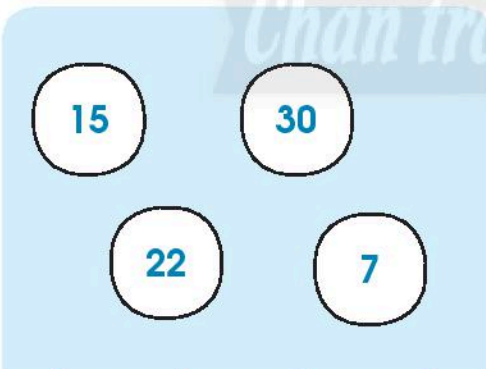


6

Viết các số sau theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.



7 Nối (theo mẫu).

$21 > \square$ $27 < \square < 30$

A horizontal number line with 13 circles. The circles contain the numbers 21, 24, 25, 27, and 31. A hand is pointing to the circle with 21.

$22 < \square < 24$

$30 < \square$

8

A basket with 20 apples and a basket with 10 apples. Below them are 7 loose apples and an empty square box.

A basket with 36 apples and 3 loose apples. Below them is an empty square box.

- a) Viết số trái cây ở mỗi tranh.
- b) So sánh hai số vừa tìm được.

9 Sáng chủ nhật ở nhà em.



7 giờ



10 giờ



8 giờ



9 giờ



8 giờ



10 giờ

a) Vẽ kim giờ phù hợp.

b) Viết số vào chỗ chấm.

- Ba sơn phòng trong . . . giờ.
- Em vẽ tranh trong . . . giờ.
- Mẹ nấu ăn trong . . . giờ.

c) Khoanh vào câu trả lời đúng.

Ai làm việc lâu nhất?

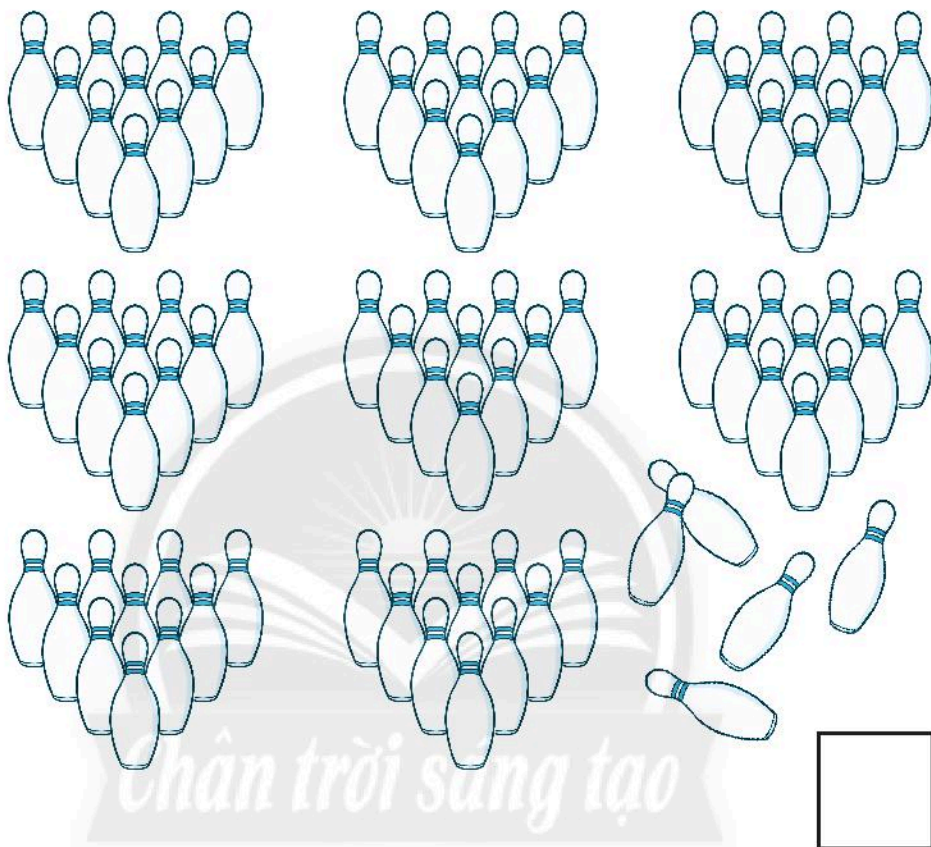
A. Ba B. Em C. Mẹ



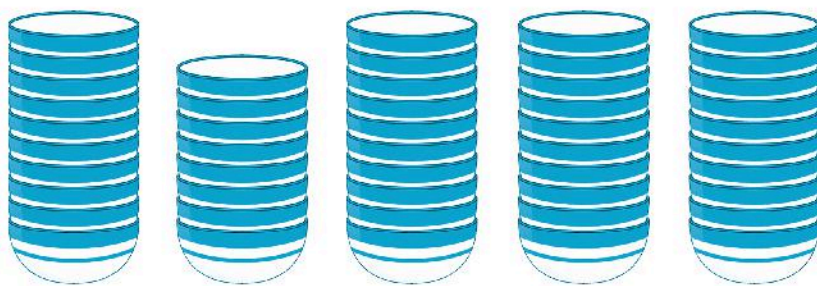
CÁC SỐ ĐẾN 100

1 Đếm rồi viết số vào

a)

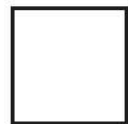
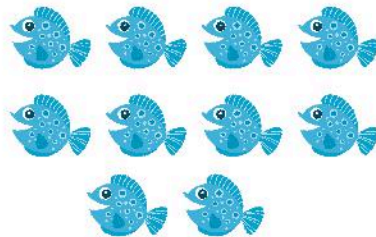
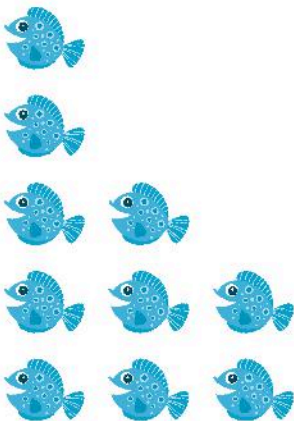
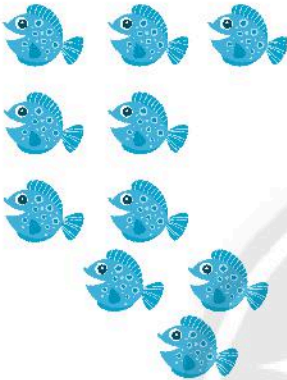
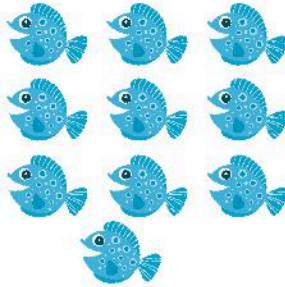
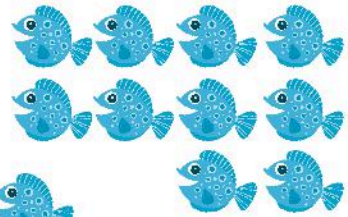
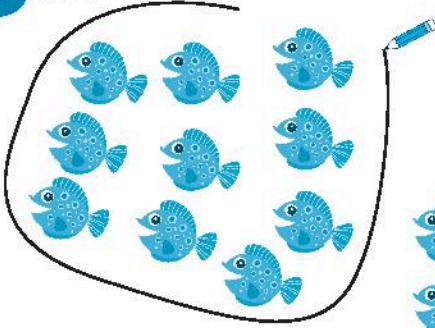


b)

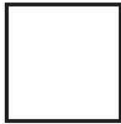


2

Số?

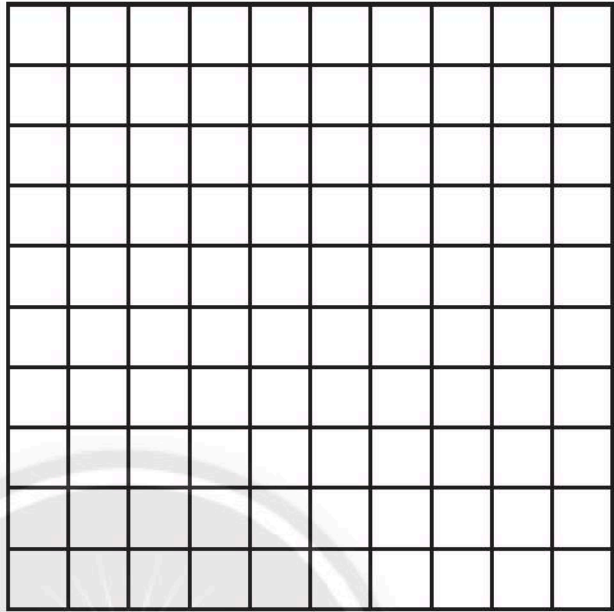


3 Có bao nhiêu món đồ?

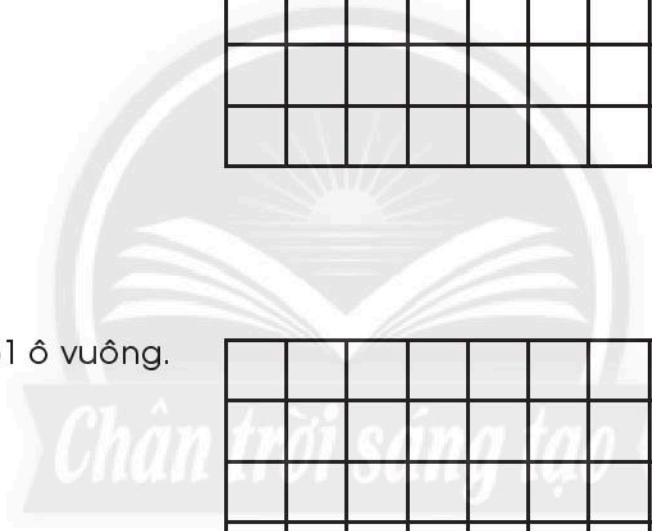
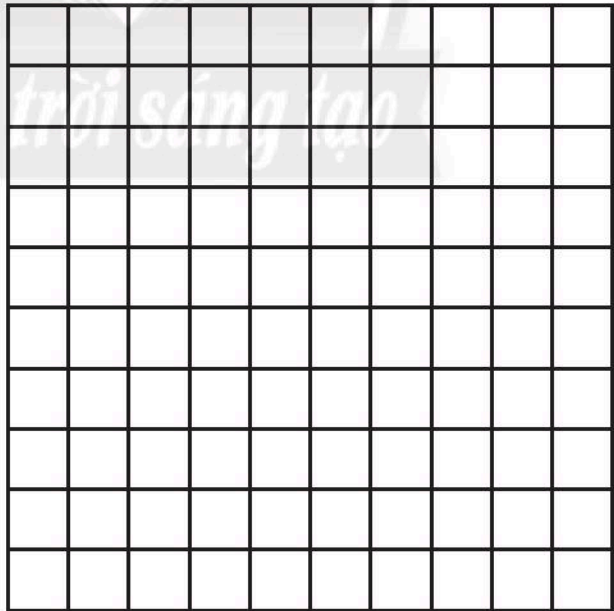


4 Mỗi bảng sau gồm 100 ô vuông.

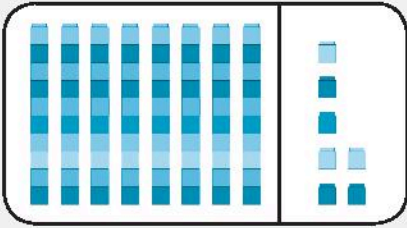
a) Tô màu 39 ô vuông.



b) Tô màu 61 ô vuông.

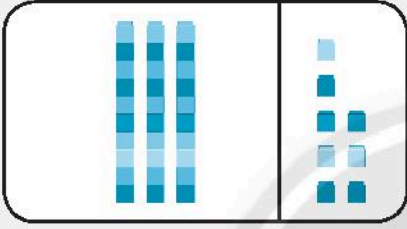


5 Viết theo mẫu.



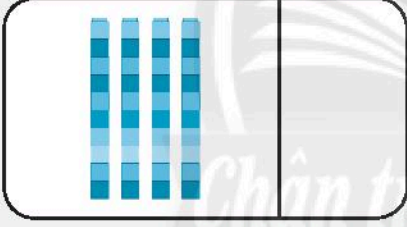
chục	đơn vị
8	7

$87 = 80 + 7$



chục	đơn vị
.....

.....



chục	đơn vị
.....

.....

6 Viết theo mẫu.

71 gồm 7 chục và 1 đơn vị
 $71 = 70 + 1$

59 gồm và
 $59 =$

26 gồm và
 $26 =$

90 gồm và
 $90 =$

7 Tính:

a) $60 + 8 = \dots$ $68 - 8 = \dots$ $89 - 7 = \dots$
 $40 + 50 = \dots$ $90 - 50 = \dots$ $3 + 61 = \dots$
 $72 + 4 = \dots$ $76 - 4 = \dots$ $10 + 80 = \dots$

b) $58 - 5 - 3 = \dots$ $82 + 7 - 9 = \dots$

8 Viết số vào .

$50 + \square = 70$

$46 - \square = 41$

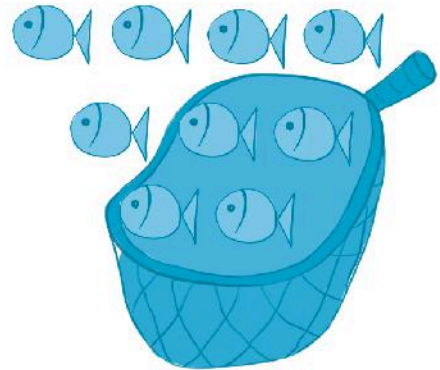
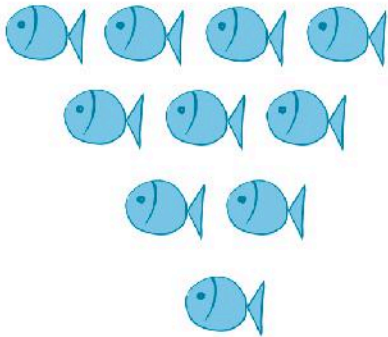
$\square - 10 = 50$

$\square + 7 = 89$

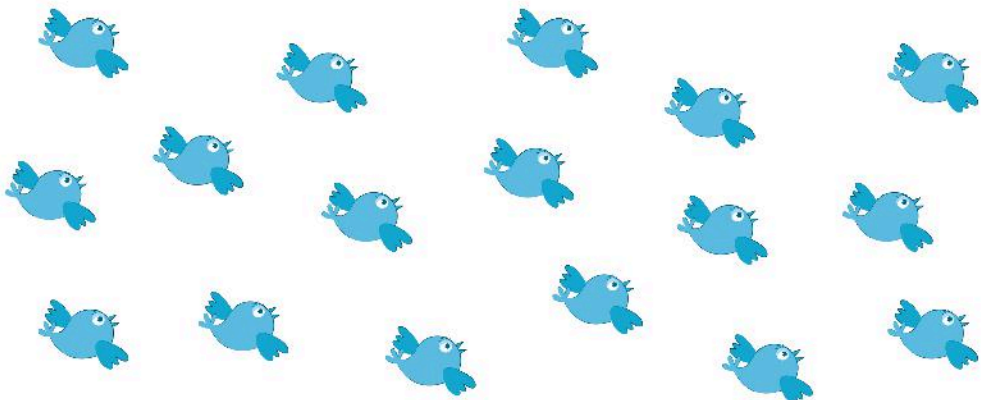
9 Nối các số để có sơ đồ tách - gộp số.



10 Dưới đây là tranh thể hiện phép tính $19 - 4 = 15$.



Em hãy khoanh nhóm để thể hiện phép tính $37 - 5 = 32$.





BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100

1 Viết các số còn thiếu.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55					
					66	67	68	69	70
	72	73			76		79		
	82		84		86		88		90
91		93		95		97		99	100

2 Viết vào chỗ chấm.

Viết số	Đọc số
...	bốn mươi một
51
62
...	bảy mươi ba

Viết số	Đọc số
	tám mươi bốn
...	tám mươi tư
95
...	chín mươi chín

3 Viết số còn thiếu.




a) 56, 57, 58,, 64

b) 72, 74, 76,, 88







c) 5, 10, 15,, 45

d) 41, 40, 39,, 33

4

	69 ... 64	54 ... 45	96 - 6 ... 90
	? 70 ... 58	8 ... 50	4 + 80 ... 87
	42 ... 44	17 ... 31	20 + 60 ... 100

5 Tô màu số bé nhất.

					
---	---	---	---	--	---






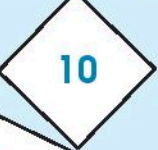








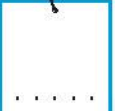

6 Tô màu số lớn nhất.

					
---	---	---	---	--	---

7 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé.

b) Từ bé đến lớn.

8 SỐ?

Chân trời sáng tạo

9 Có bao nhiêu?



cái nón
(mũ)



bong bóng
(bóng bay)

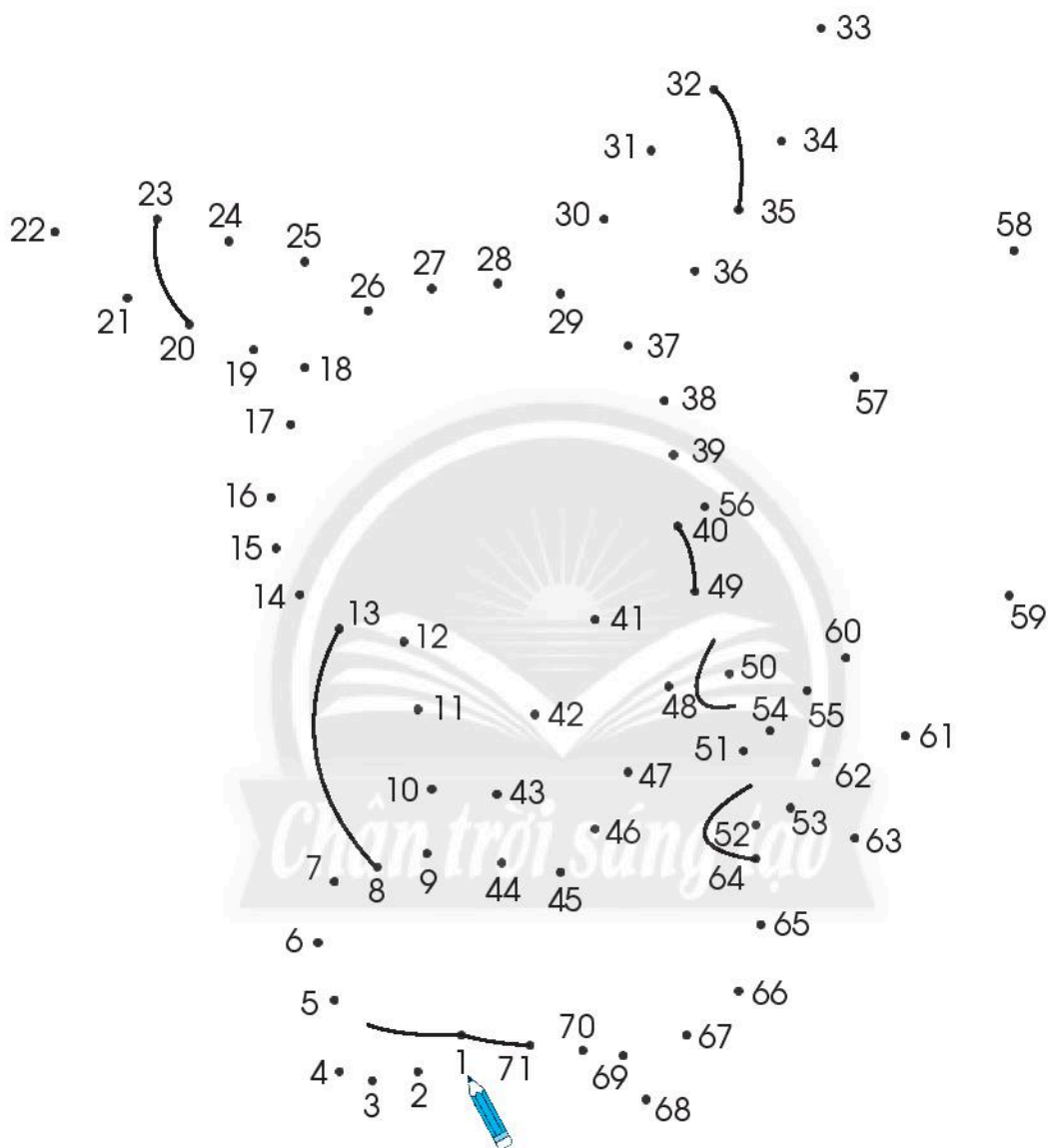


nút áo



ngón tay

10 Nối các số lần lượt từ bé đến lớn, bắt đầu từ số 1 (để tìm một nhân vật hoạt hình quen thuộc).



Hãy vẽ mắt, mũi, miệng và tô màu.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

– Tô màu đỏ:

Hai số: 25, 26.

Bốn số từ 34 đến 37.

Tám số: các số gồm 4 chục và 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 đơn vị.

– Tô màu xanh:

Sáu số: các số gồm 5 chục và 3, 4, 5, 6, 7, 8 đơn vị.

Bốn số: 63, 64, 67, 68.

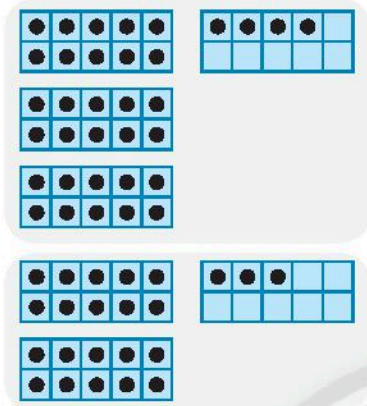
Bốn số: 73, 74, 77, 78.



CÁC PHÉP TÍNH DẠNG

$34 + 23, 57 - 23$

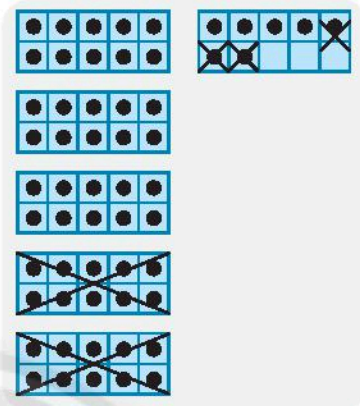
1 Tính.



$$4 + 3 = \dots$$

$$30 + 20 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$



$$7 - 3 = \dots$$

$$50 - 20 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính.

$\begin{array}{r} 46 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 72 \\ + 25 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 61 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 96 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 79 \\ - 20 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 57 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$
...

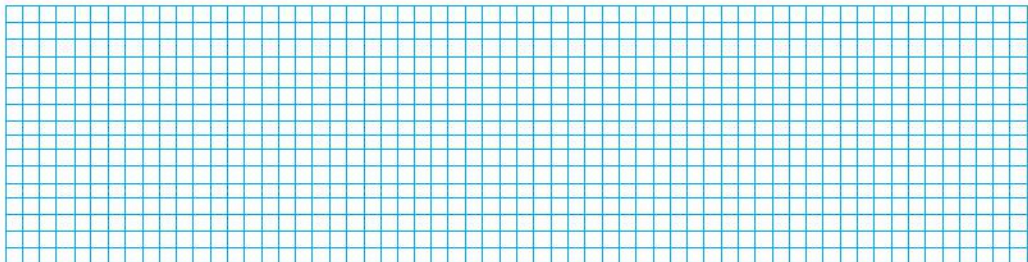
3 Đặt tính rồi tính.

$32 + 57$





$87 - 16$

$98 - 6$

$53 + 6$



4 Tính bằng cách đếm thêm, đếm bớt.

$34 + 23 = ?$ Bước 1 $34 + 20$ 44 34 	$57 - 23 = ?$ Bước 1 $57 - 3$ 55 56 57 
Bước 2 $54 + 3$ 56 55 54 	Bước 2 $54 - 20$ 34 44 54 
$34 + 23 = 57$	$57 - 23 = 34$

- | | |
|----------------------|---------------------|
| a) $76 + 20 = \dots$ | b) $84 - 3 = \dots$ |
| $42 + 30 = \dots$ | $29 - 5 = \dots$ |
| $59 + 40 = \dots$ | $65 - 4 = \dots$ |
| $25 + 12 = \dots$ | $96 - 31 = \dots$ |
| $46 + 23 = \dots$ | $77 - 42 = \dots$ |

- c) $23 - 3 + 7 = \dots$
 $35 + 12 - 6 = \dots$
 $87 - 50 - 37 = \dots$

5





? $58 - 2 \dots 58 - 1 \dots 58 - 0$

6 Đúng ghi đ, sai ghi s.

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 13 \\ \hline 38 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ + 2 \\ \hline 94 \end{array} \quad \square$$

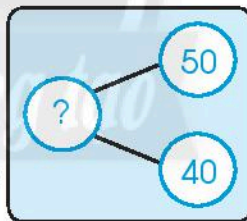
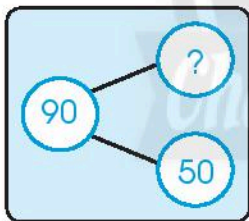
$$\begin{array}{r} 36 \\ - 3 \\ \hline 39 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ - 5 \\ \hline 42 \end{array} \quad \square$$

7 Viết số vào ô trống.

36	+	12	=	
+		+		-
23	-		=	
=		=		=
	-	23	=	

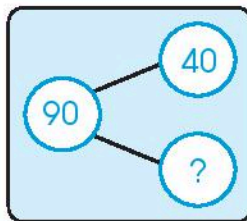
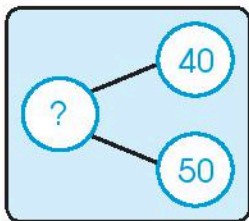
8 Nối sơ đồ với phép tính (theo mẫu).



$$40 + 50 = 90$$

$$90 - 50 = 40$$

$$90 - 40 = 50$$



9

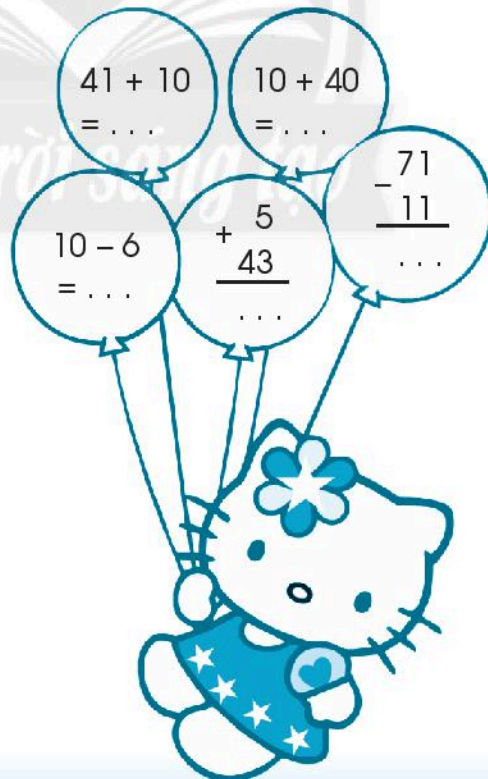
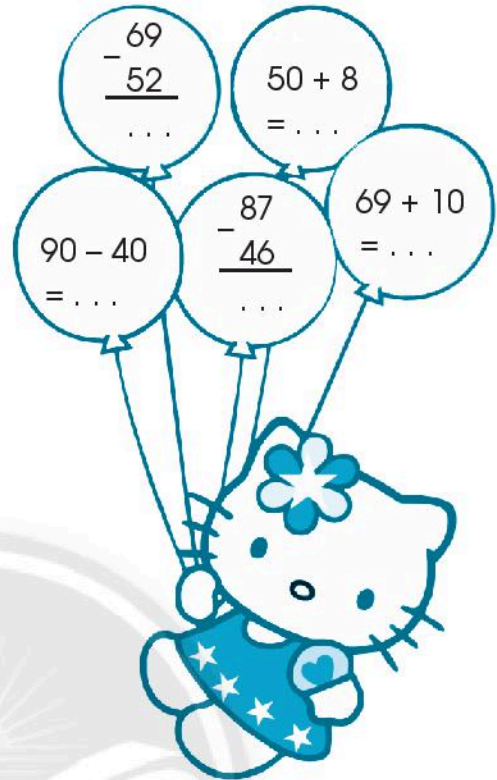
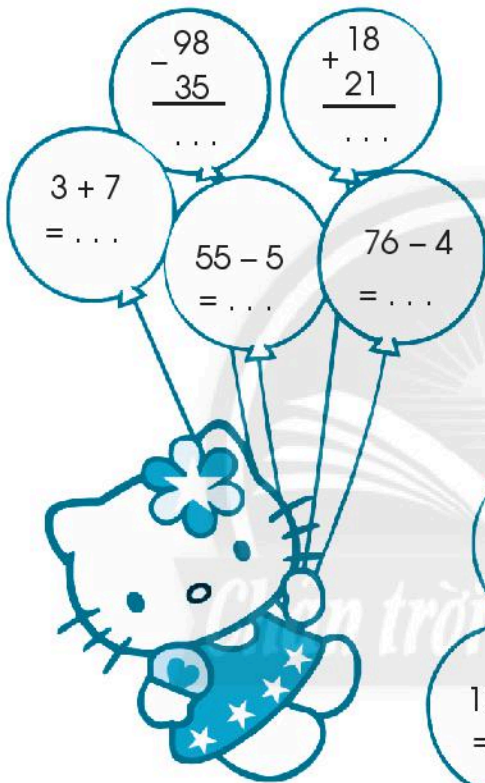
a) Tính.

b) Tô màu theo kết quả

Lớn hơn 50: đỏ

Bằng 50: vàng

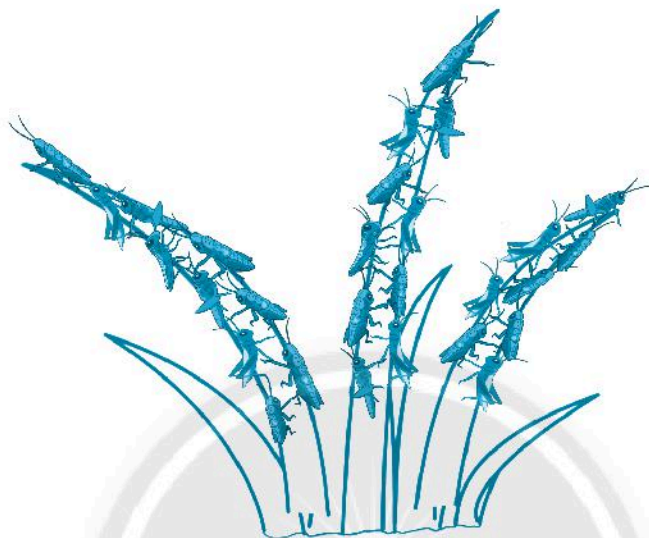
Bé hơn 50: xanh





EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Có bao nhiêu con châu chấu?



2 Viết số vào chỗ chấm.

16 gồm ... chục và ... đơn vị ... gồm 3 chục và 9 đơn vị

20 gồm ... chục và ... đơn vị ... gồm 2 chục và 4 đơn vị

3 Đúng ghi đ, sai ghi s.

11 đọc là: mười một

mười một

một một

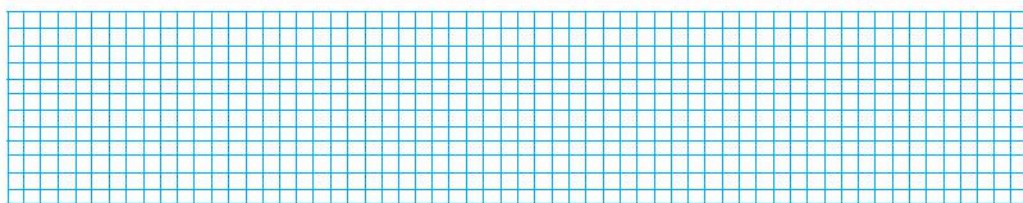
4 Đặt tính rồi tính.

$17 + 42$

$54 - 34$

$8 + 61$

$79 - 5$



5



?

$35 \dots 32$

$8 \dots 18$

$20 + 10 \dots 40 - 10$

$27 \dots 29$

$30 \dots 29$

$0 + 13 \dots 0 + 23$

6

a) Tính.

$21 + 8 = \dots$

$37 - 5 = \dots$

$3 + 30 = \dots$

$29 - 9 = \dots$

b) Viết số vào chỗ chấm.

$80 - \dots = 50$

$\dots + 40 = 70$

$30 + \dots = 36$

$25 - \dots = 20$

7



Quan sát tranh.

Viết số vào chỗ chấm, viết phép tính vào các ô trống.

a) Đồng hồ hình tròn có: ... cái.

Đồng hồ hình vuông có: ... cái.

Tất cả có:

			=	
--	--	--	---	--

b) Tất cả có: ... cái.

Đồng hồ chỉ 3 giờ có: ... cái.

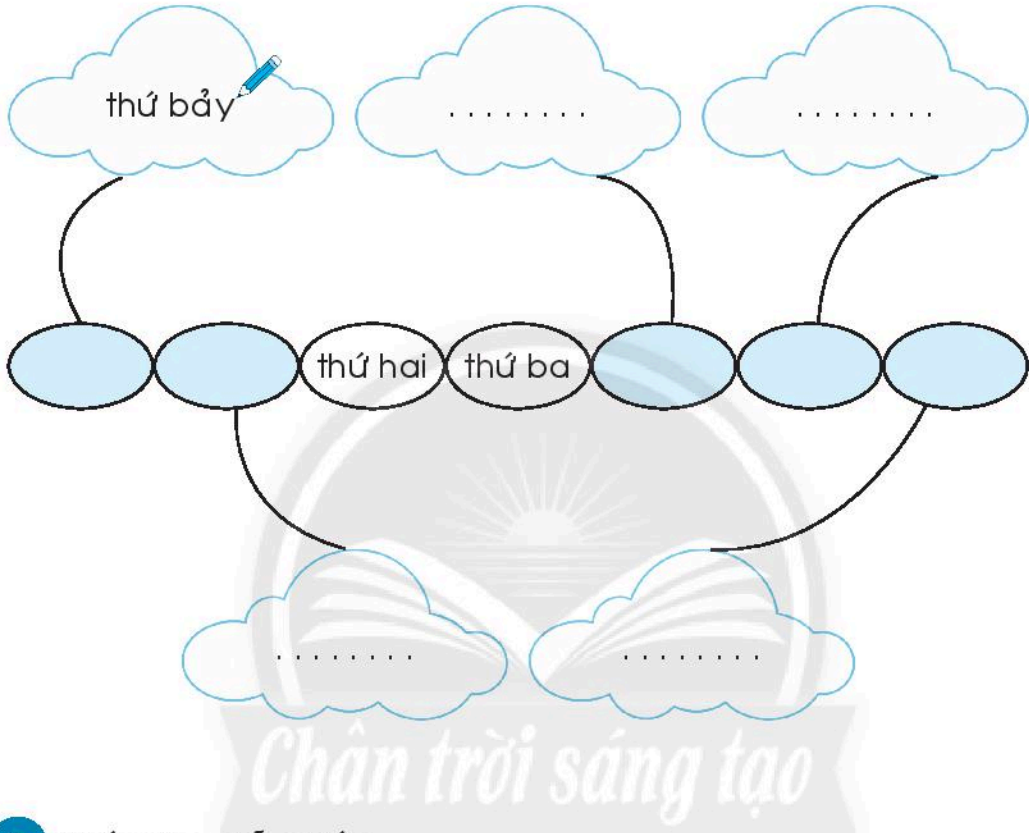
Còn lại:

			=	
--	--	--	---	--



CÁC NGÀY TRONG TUẦN

1 Viết theo mẫu.



2 Viết vào chỗ chấm.

a) Một tuần có ... ngày.

b) Trong mỗi tuần:

- Em đi học ... ngày: từ thứ đến thứ

- Em được nghỉ ... ngày: thứ và

- Em thích nhất ngày

vì

3

a) Tô màu:

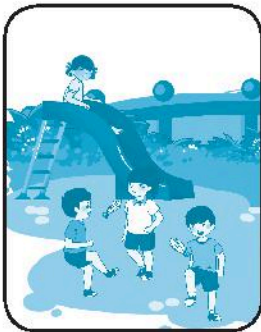
Hôm nay: màu đỏ.

Thứ tư tuần trước: màu xanh.

Thứ hai tuần sau: màu vàng.

b) Nối ngày – đồng hồ – tranh theo câu sau:

Lúc 10 giờ sáng thứ bảy tuần trước, em ở nhà ngoại.





TỜ LỊCH CỦA EM

1



a

b

c

d

Em xem các tờ lịch trên rồi viết vào chỗ chấm.

a) Thứ ngày

b) Thứ ngày

c) Thứ ngày

d) Thứ ngày

2

Nối theo mẫu.

hôm qua

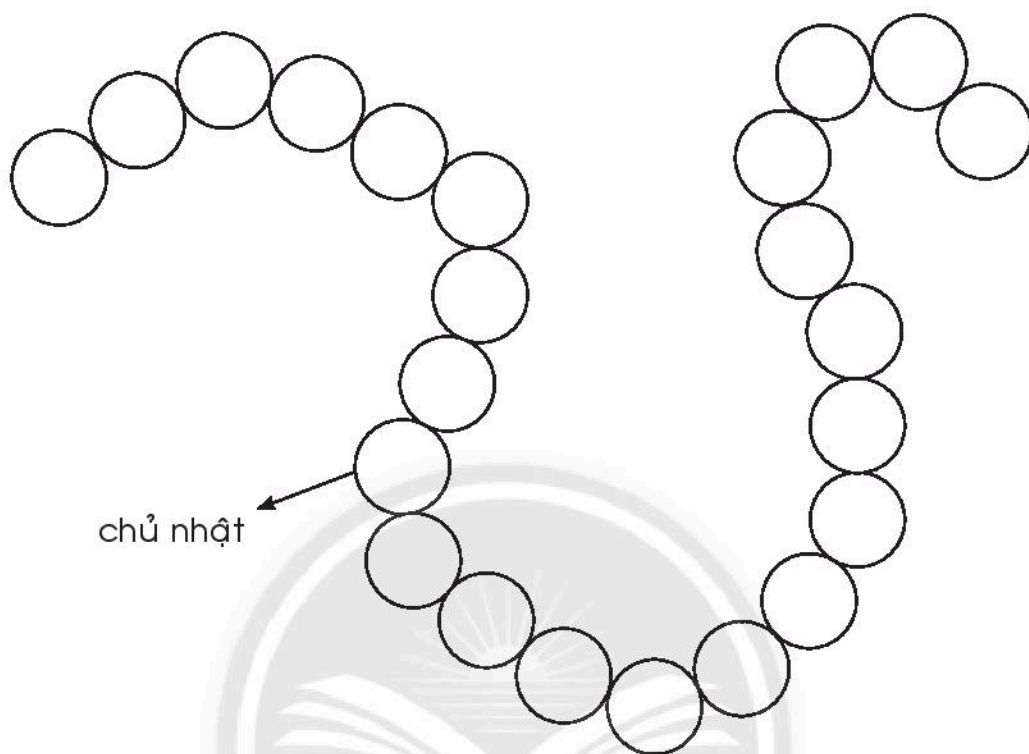
hôm nay

ngày mai

ngày mốt



3 Các ngày trong tuần.



a) Tô màu đỏ vào các ngày chủ nhật.

b) Viết vào chỗ chấm:

Từ chủ nhật này, nếu đếm tiếp 7 ngày hay đếm lùi lại 7 ngày em lại được ngày

4 Em xem lịch ngày hôm nay rồi viết vào chỗ chấm.

a) Hôm nay là thứ ngày

b) Còn 1 tuần nữa là đến sinh nhật chị Lan. Vậy sinh nhật chị Lan là thứ ngày

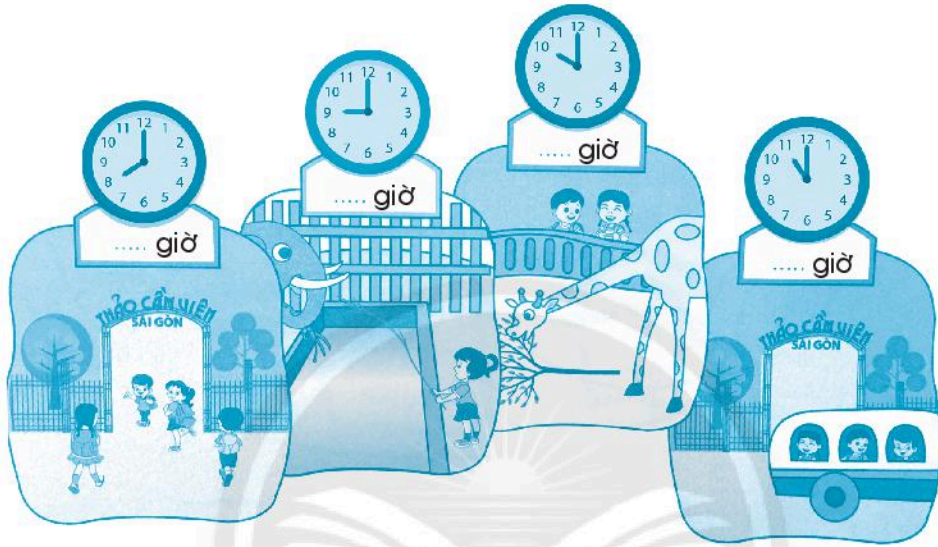
c) Chủ nhật vừa rồi em được ba đưa đi xem xiếc. Hôm đó là ngày



THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

1 Viết vào chỗ chấm.

a)



b) Viết vào chỗ chấm.

- Vào lúc . . . giờ, chúng em tới cổng Thảo Cầm Viên.
- Lúc . . . giờ, em và các bạn đang xem con voi.
- Sau đó . . . giờ, chúng em xem con hươu cao cổ.
- Chúng em ra về lúc . . . giờ.

2 Xe chở em đi tham quan Thảo Cầm Viên có:

bạn trai	14 bạn
bạn gái	21 bạn
cả lớp	. . . bạn?

Viết phép tính tìm số bạn cả lớp

.....

3

a) Xem lịch ngày hôm nay, viết vào chỗ chấm.

Hôm nay là ngày

b) Đánh dấu (✓) vào ngày hôm nay.

c) Tô màu đỏ vào thứ bảy, chủ nhật tuần này.

d) Nối thứ bảy, chủ nhật tuần này với các hoạt động mà em yêu thích.



Chân trời sáng tạo
hôm qua





KIỂM TRA

A. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1.

Sáng chủ nhật, mỗi bạn làm một việc. Người làm lâu nhất là	a)	
	b)	
	c)	

- A. Bạn ở hình a
- B. Bạn ở hình b
- C. Bạn ở hình c

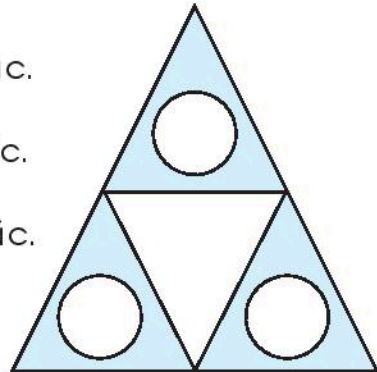
Câu 2. Hình vẽ sau có bao nhiêu cái lon?

- A. 10
- B. 11
- C. 21



Câu 3. Hình vẽ bên có:

- A. 3 hình tròn và 1 hình tam giác.
- B. 3 hình tròn và 4 hình tam giác.
- C. 3 hình tròn và 5 hình tam giác.



B. TỰ LUẬN

I. Đúng ghi đ , sai ghi s .

Câu 1.

95 đọc là:

▪ Chín mươi năm

▪ Chín mươi lăm

Sáu mươi bảy viết là:

▪ 67

▪ 607

Câu 2.

$$\begin{array}{r} - 86 \\ - 35 \\ \hline 51 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} - 47 \\ - 21 \\ \hline 68 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} + 52 \\ + 4 \\ \hline 92 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} + 3 \\ + 66 \\ \hline 69 \end{array} \quad \square$$

II. Làm theo các yêu cầu sau.

Câu 3. Nói theo mẫu.

$54 + 21$

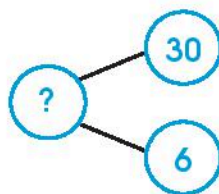
$88 - 14$



$56 + 20$

$0 + 78$

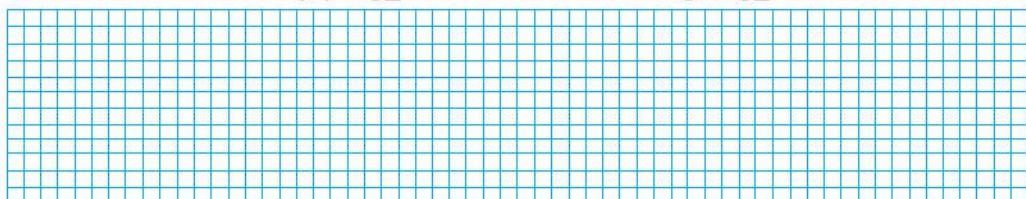
Câu 4. Viết phép tính phù hợp với sơ đồ tách - gộp số.



Câu 5. Đặt tính rồi tính.

$94 - 32$

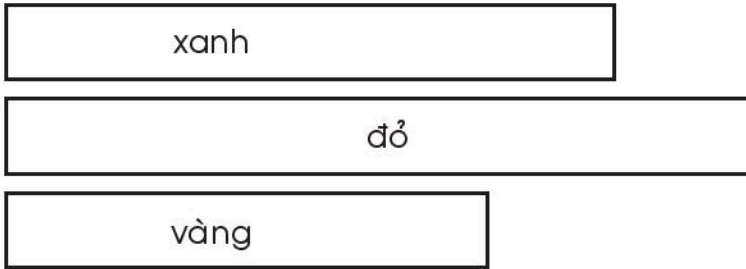
$5 + 52$





ĐỘ DÀI

1 a) Tô màu các băng giấy theo chỉ dẫn:



b) Dùng các từ **dài hơn**, **ngắn hơn**, **dài nhất**, **ngắn nhất** viết vào chỗ chấm.

- Băng giấy xanh băng giấy đỏ, nhưng băng giấy vàng.
- Băng giấy đỏ băng giấy vàng

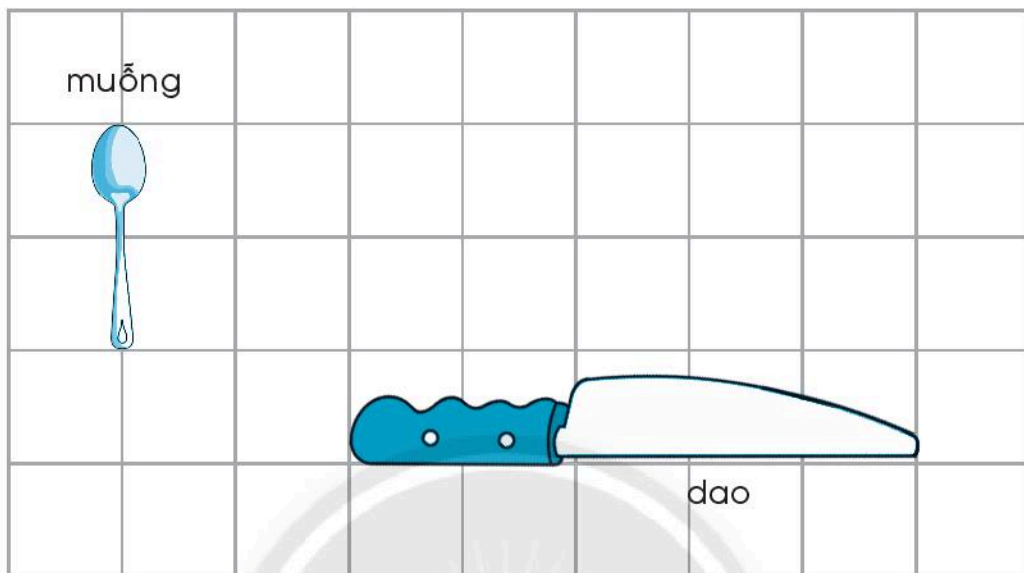
2 Tô màu các toà nhà:

Cao nhất: màu xanh.

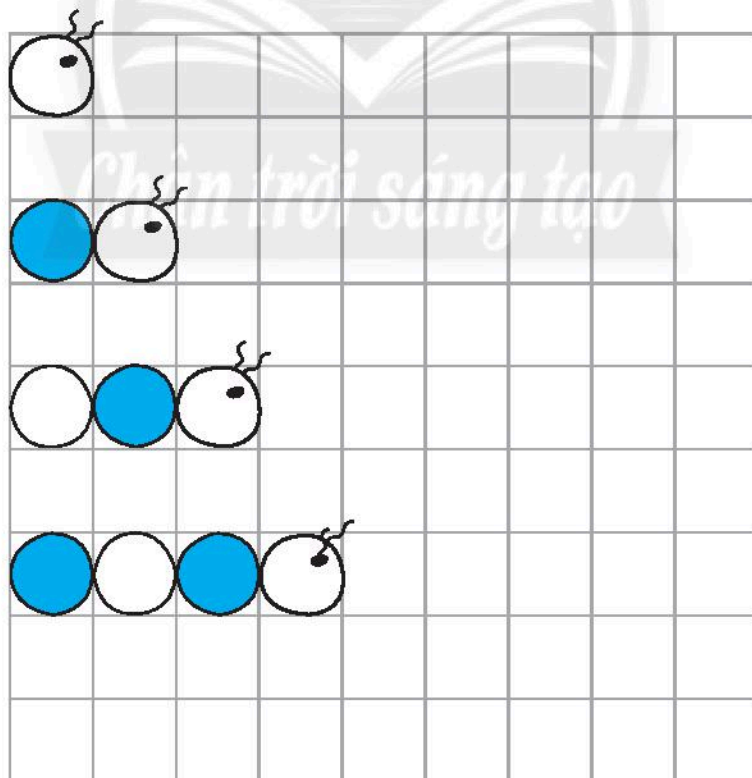
Thấp nhất: màu đỏ.



- 3 Vẽ một đồ vật dài hơn cái muỗng (thìa) nhưng ngắn hơn con dao.



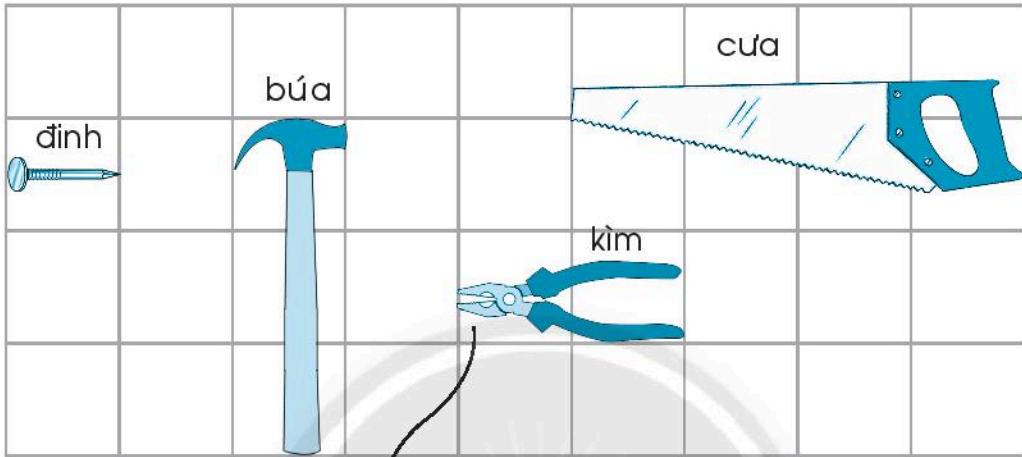
- 4 Vẽ con sâu tiếp theo.






ĐO ĐỘ DÀI

1 Nối theo mẫu để sắp thứ tự từ ngắn đến dài.



ngắn nhất dài nhất

2 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Cây bút nào dài hơn 

nhưng ngắn hơn  ?

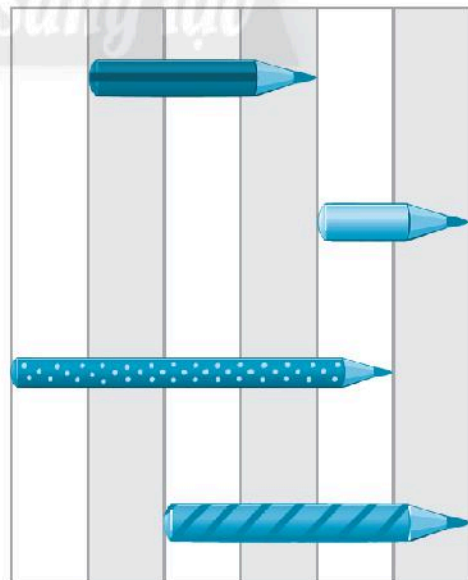
A.



B.



C.



3 Ước lượng, đo, viết số đo bàn học của em.



	Ước lượng	Đo
Chiều dài	khoảng gang tay gang tay
Chiều rộng	khoảng gang tay gang tay
Chiều cao	khoảng gang tay gang tay

4



Hành lang ngoài lớp học dài khoảng . . . bước chân.

5

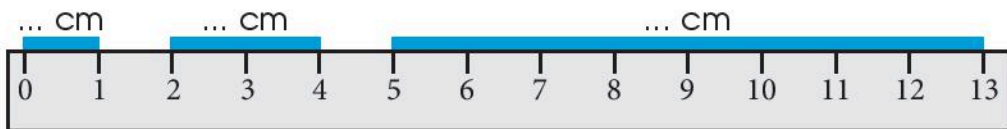
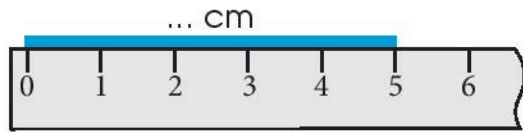
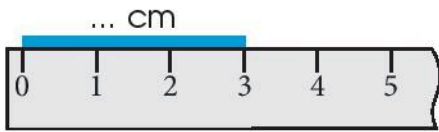


1 vòng sân trường dài khoảng . . . bước chân.

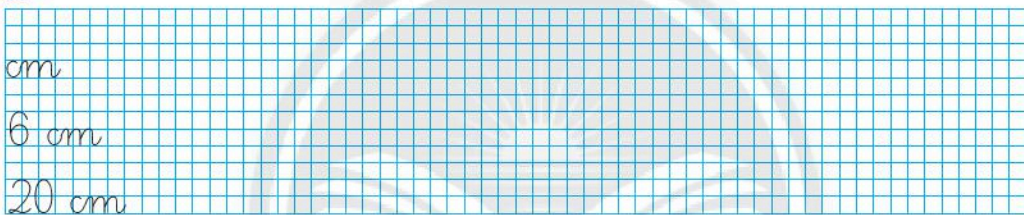


XĂNG-TI-MÉT. ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI

1 Viết số đo.



2 Tập viết.



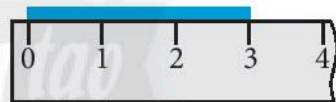
3 Khoanh vào chữ cái dưới hình đặt thước đo đúng.



A.



B.



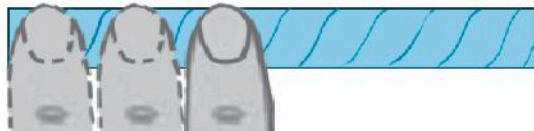
C.

4 Đo bằng búng ngón trỏ rồi đo bằng thước thẳng.

a)

Khoảng ... búng ngón trỏ

... cm



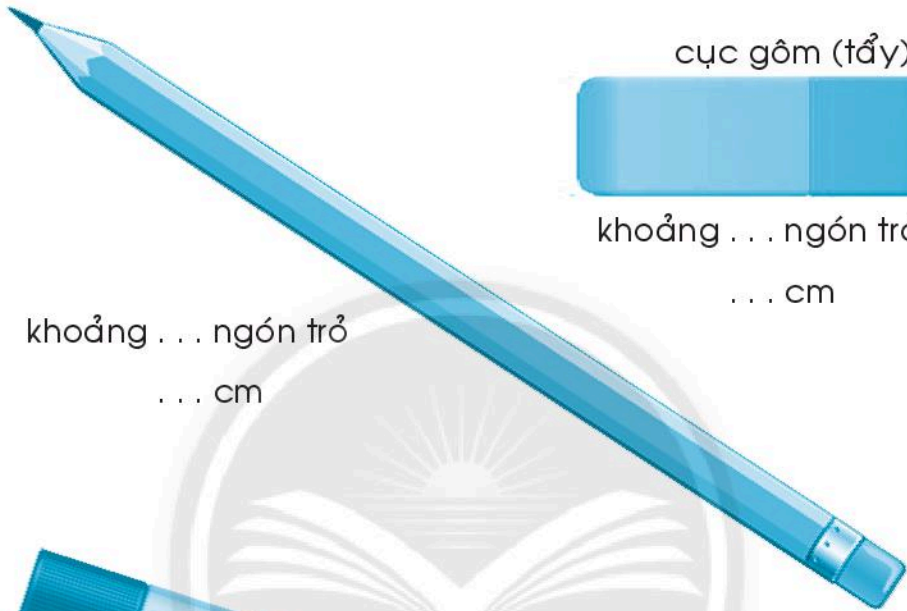
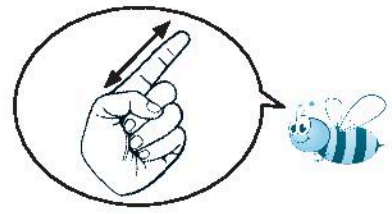
b)

Khoảng ... búng ngón trỏ

... cm



5 Ước lượng theo ngón trỏ rồi đo.



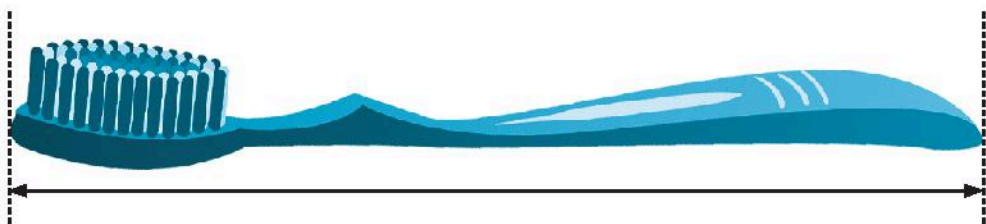
cục gôm (tẩy)

khoảng ... ngón trỏ
... cm

khoảng ... ngón trỏ
... cm

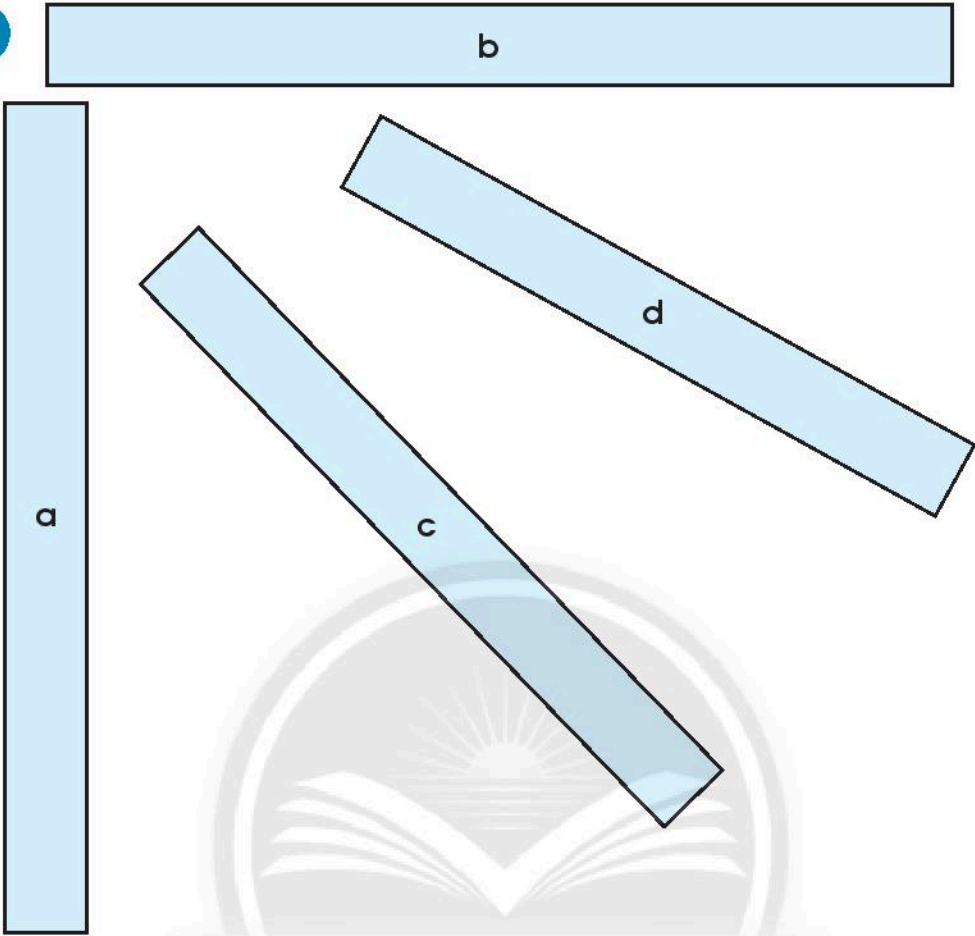


khoảng ... ngón trỏ
... cm



khoảng ... ngón trỏ
... cm

6

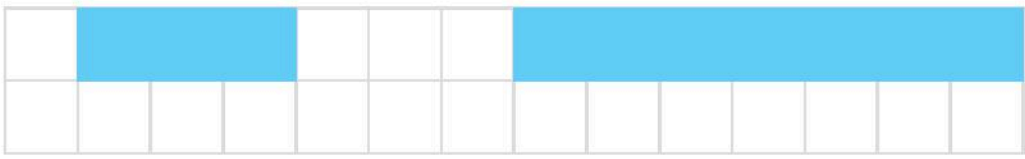


Ước lượng bằng mắt rồi dùng thước đo.
 Các mảnh giấy theo thứ tự từ dài nhất đến ngắn nhất là:

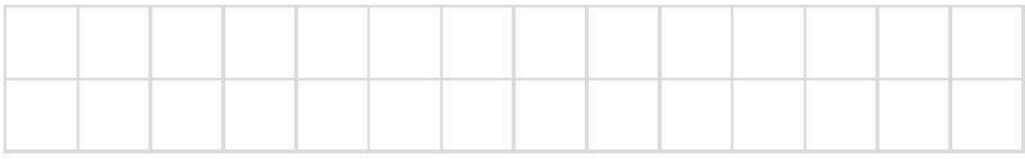
.....

7

Mẹ cắt băng giấy thành hai mảnh như sau:



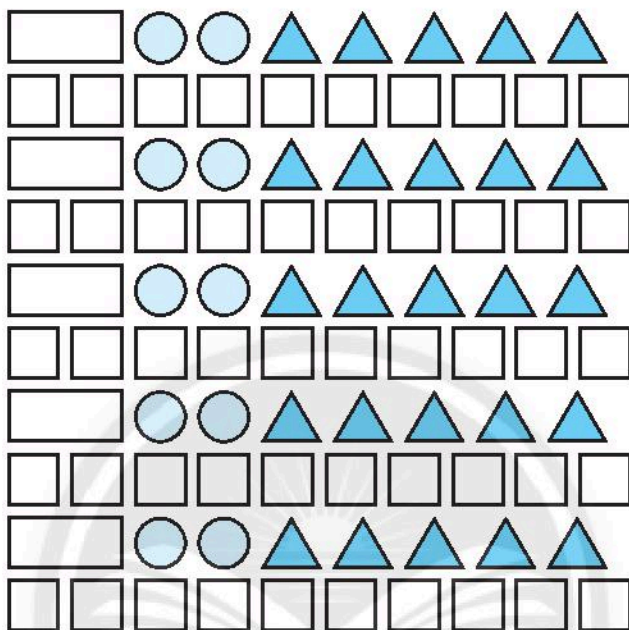
Em hãy vẽ băng giấy lúc chưa cắt.





EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

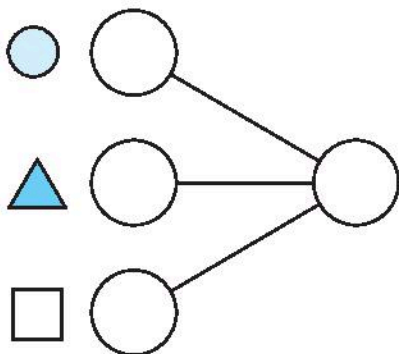
1 Quan sát các hình phẳng sau.



a) Đếm số hình mỗi loại.

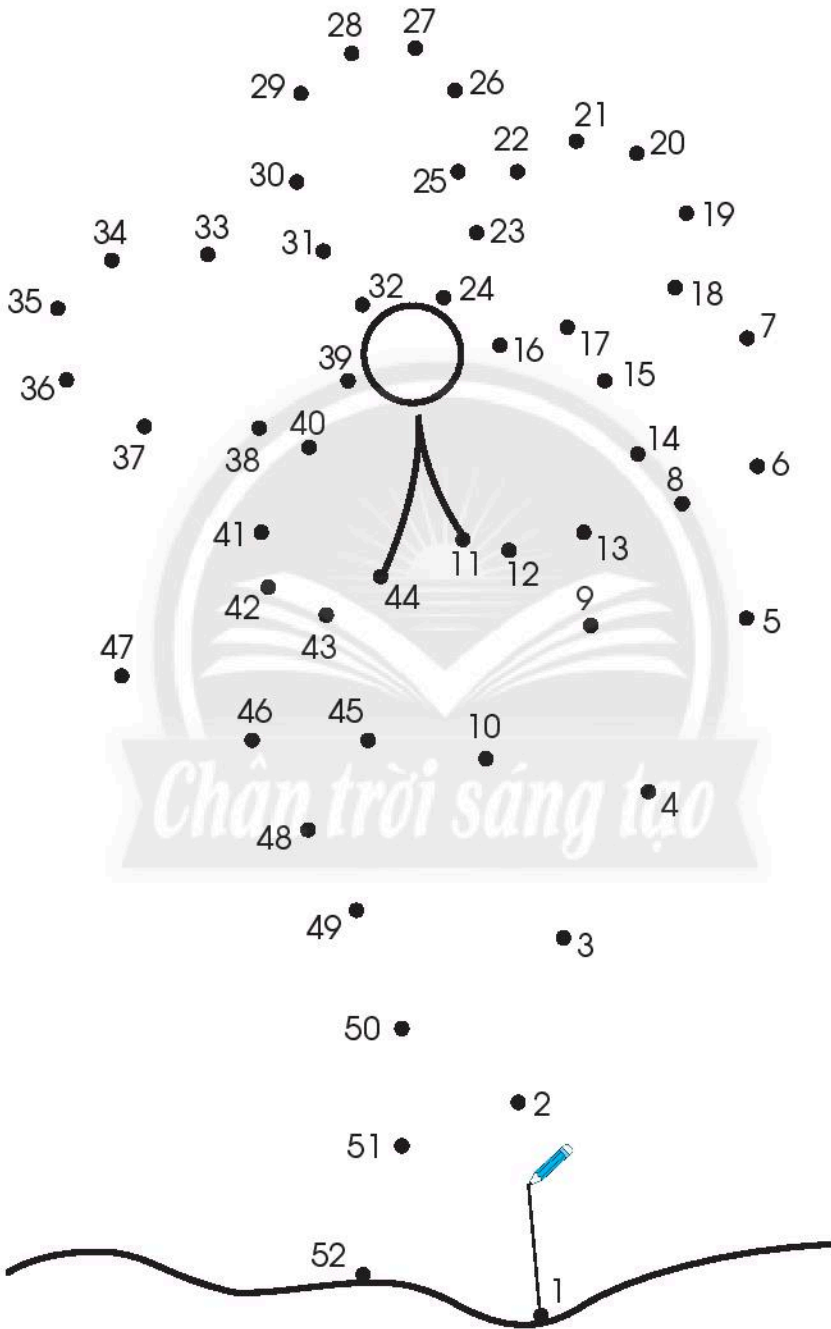
hình chữ nhật	hình tròn	hình tam giác	hình vuông	tất cả

b) Số?



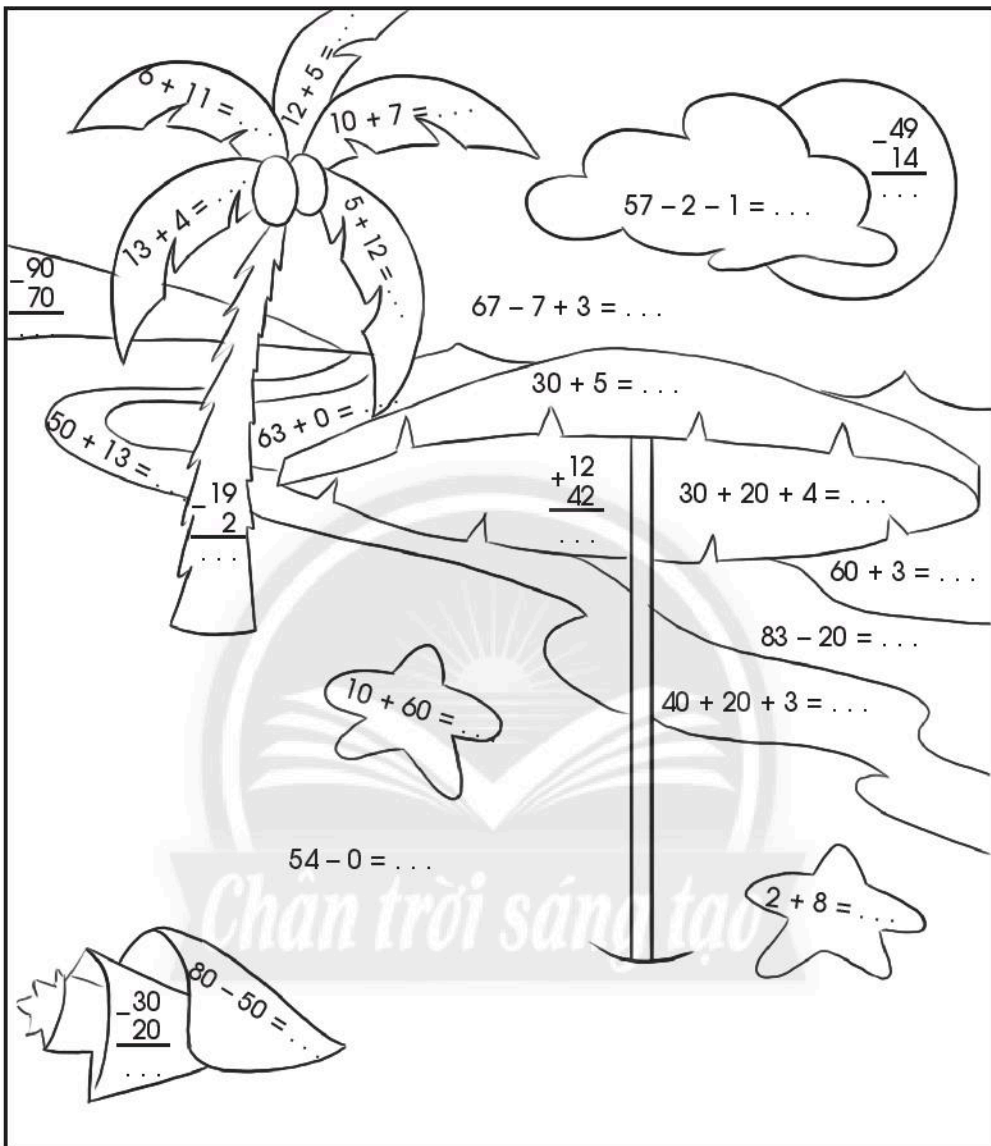
$$\square + \square + \square = \square$$

2 Nối lần lượt các số từ bé đến lớn rồi tô màu.



3

a) Tính.



b) Tô màu theo kết quả:

17 : xanh lá

Số tròn chục: vàng

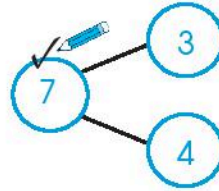
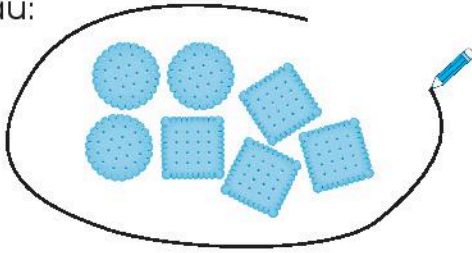
54 : hồng

35 : đỏ

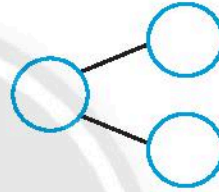
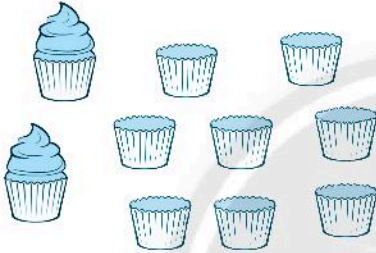
63 : xanh dương

4 Đây là tất cả? (Làm theo mẫu.)

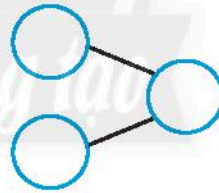
Mẫu:



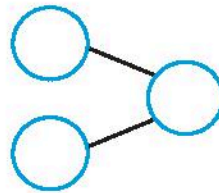
a)



b)



c)

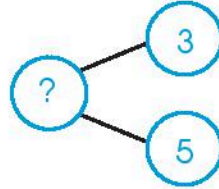


5 Nhận ra **tất cả** trong bài toán.

Làm theo mẫu.

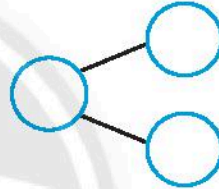
Mẫu:

Có 3 con mèo vàng và 5 con mèo mướp. Hỏi **tất cả** có bao nhiêu con mèo?



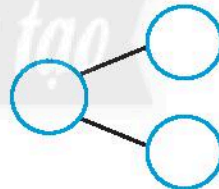
a)

An có 9 cái kẹo, An cho Hoà 4 cái kẹo. Hỏi An còn lại bao nhiêu cái kẹo?



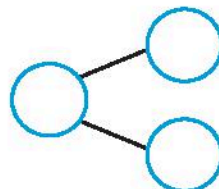
b)

Hùng có 6 lá cờ, Cường có 4 lá cờ. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu lá cờ?



c)

Trong hộp có 15 cái bánh và kẹo, trong đó có 3 cái bánh. Hỏi có bao nhiêu cái kẹo?



6 Viết vào chỗ chấm ở tóm tắt và sơ đồ tách – gộp số. Giải bài toán (**viết** phép tính, **nói** câu trả lời).

a)

Mẹ mua 12 cái bánh, ba mua thêm 6 cái bánh. Hỏi ba và mẹ mua tất cả bao nhiêu cái bánh?

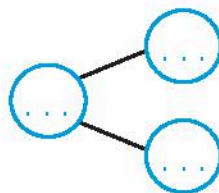


Tóm tắt

Mẹ : ... cái bánh

Ba : ... cái bánh

Tất cả: ... cái bánh



Giải

.....

Trả lời: Ba và mẹ mua tất cả ... cái bánh.

b)

Trong chuồng có 25 con gà, trong đó có 14 con gà trống. Hỏi có bao nhiêu con gà mái?

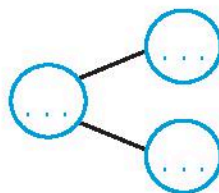


Tóm tắt

Có : ... con

Gà trống:

Gà mái :?

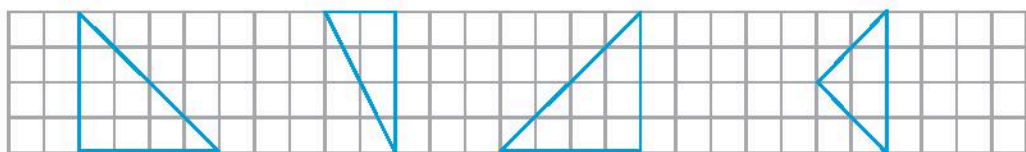


Giải

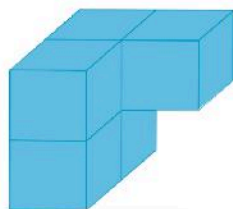
.....

Trả lời: Có ... con gà mái.

7 Tô màu hai hình ghép lại được hình vuông.



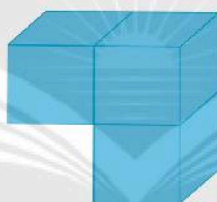
8 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.



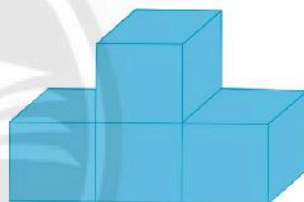
Khối hình nào dưới đây ghép với hình trên để được khối lập phương?



A.



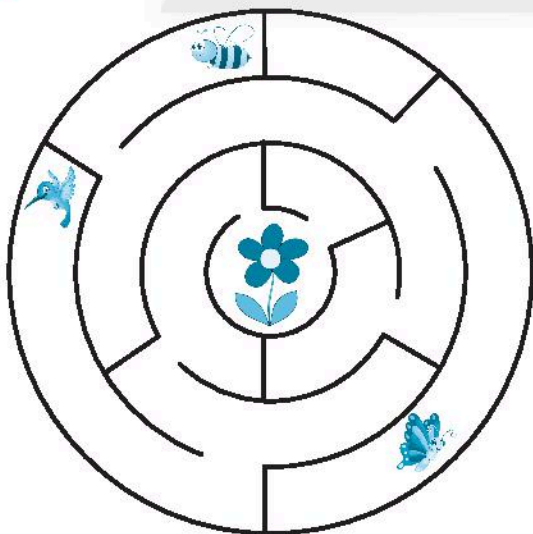
B.



C.

9

Chân trời sáng tạo



Con vật nào tìm thấy hoa?

A. Ong

B. Chim ruồi

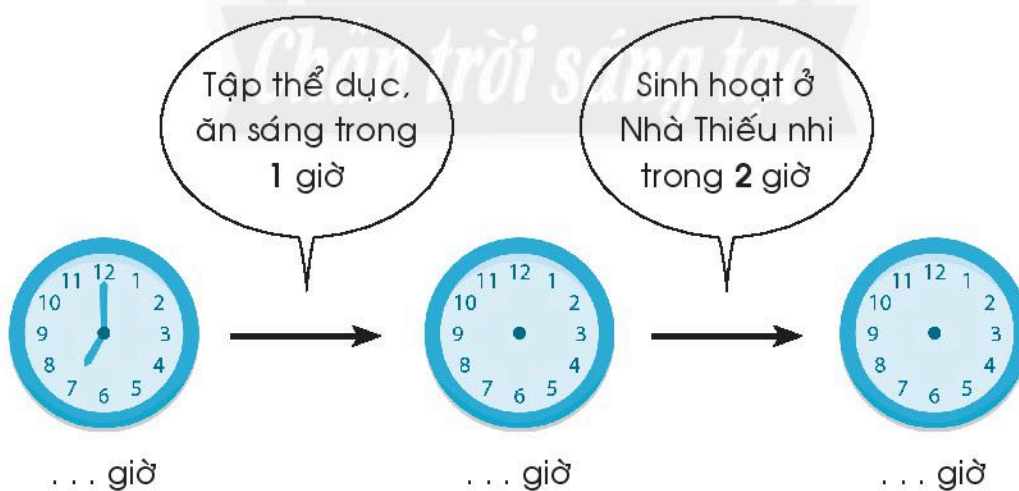
C. Bướm

10 Đo bằng thước thẳng rồi so sánh số đo.

Đồ dùng	của em	của bạn	
Đồ chuột bút chì dài	3 cm	2 cm	3 cm <input type="text" value=">"/> 2 cm
Bút chì dài cm <input type="text"/> ... cm
Cục gôm (tẩy) dài cm <input type="text"/> ... cm
Chiều dài Vở Bài tập Toán 1 cm <input type="text"/> ... cm

11 Sáng chủ nhật của An.

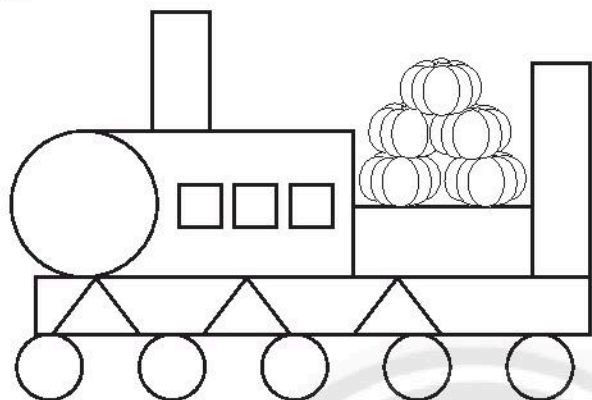
Viết số vào chỗ chấm. Vẽ kim phút và kim giờ phù hợp.





ÔN TẬP CUỐI NĂM

1 Tô màu:



cam



vàng



xanh lá



xanh dương



đỏ

2 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Hình nào có hình vuông ở bên phải, hình tròn ở bên trái?

A.



B.



C.



D.



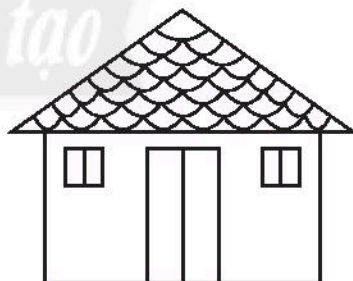
b) Hình vẽ bên **không** có hình nào?

A. Hình vuông

B. Hình tròn

C. Hình tam giác

D. Hình chữ nhật



c) Thêm vào hình bên ít nhất

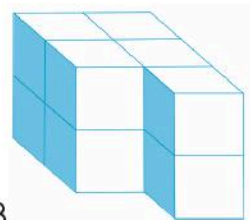
bao nhiêu  để được khối hộp chữ nhật?

A. 0

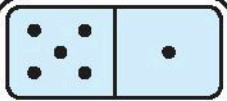
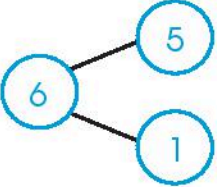
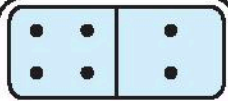
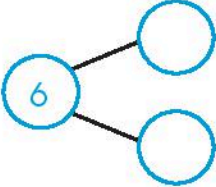

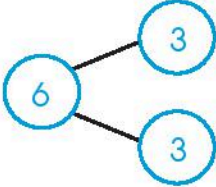
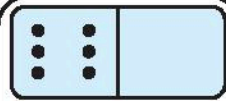
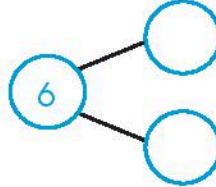
B. 1

C. 2

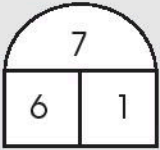
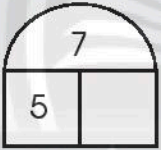
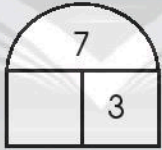
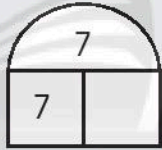
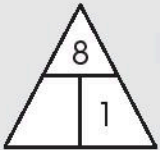

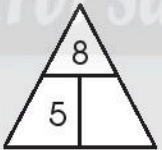

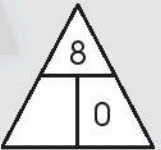
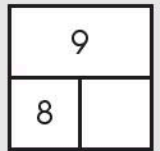
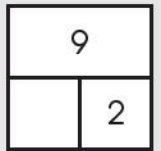
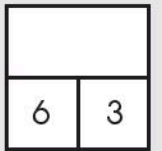
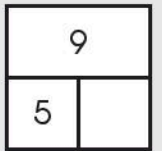
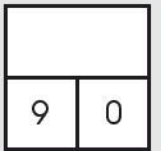
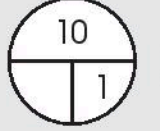
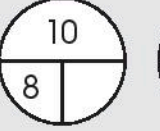
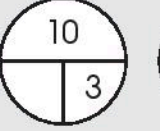
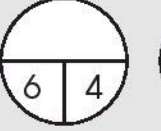
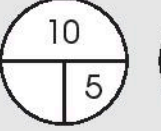
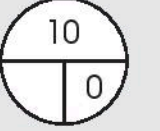
D. 3



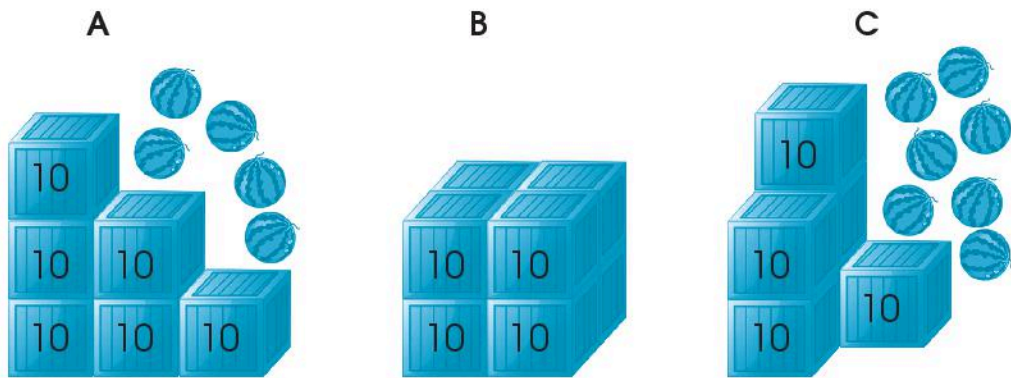
3 Làm theo mẫu.

  $5 + 1 = 6$ $1 + 5 = 6$ $6 - 1 = 5$ $6 - 5 = 1$	 	 	 
--	--	--	--

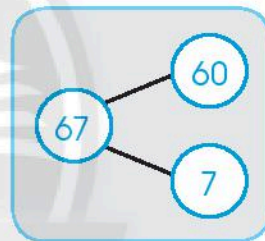
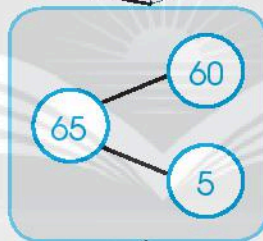
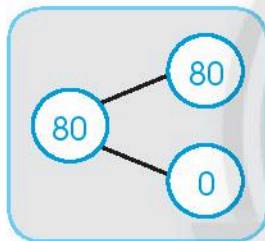
4 Viết số vào ô trống.

7 Cho biết mỗi thùng dưới đây có 10 trái (quả) dưa hấu.



65



$65 = 60 + 5$

$67 = 60 + 7$

$80 = 80 + 0$

a) Làm theo mẫu.

b) Khoanh vào câu trả lời đúng.

Hình nào có số trái dưa hấu nhiều nhất?

A

B

C

8 Làm theo mẫu.

Sáu mươi chín

68 70 73 78

$69 < \bigcirc < 72$ $81 > \bigcirc > 78$

9 Trong hình vẽ sau, bậc thang dưới có kết quả bé hơn bậc thang trên.

Viết số vào chỗ chấm.

$78 - 1 = \dots$

$78 - \dots = \dots$

$\dots + \dots = \dots$

$70 + 4 = \dots$

10

$>$
 $=$
 $<$

?

$27 \dots 17$

$9 \dots 30$

$51 \dots 28$

$61 \dots 65$

$84 \dots 4 + 80$

$99 \dots 100$

12 Ước lượng, đo sách Toán 1 của em rồi viết số đo.



	Ước lượng	Đo
Chiều dài	khoảng ... cm	... cm
Chiều rộng	khoảng ... cm	... cm
Chiều cao	khoảng ... cm	... cm

13 Ước lượng, đo rồi viết số đo ghế của em.



	Ước lượng	Đo
Chiều dài	khoảng ... gang tay	... gang tay
Chiều rộng	khoảng ... gang tay	... gang tay
Chiều cao	khoảng ... gang tay	... gang tay

14 Hôm nay là thứ sáu, ngày 7.

Ba bạn Tuấn, Minh, Thu hẹn nhau:

9 giờ sáng ngày mai có mặt tại nhà sách.

a) Đánh dấu (✓) vào tờ lịch ngày mai.



b) Buổi sáng ở nhà sách.

Nối đồng hồ với từ thích hợp.

Giờ có mặt



Tuấn



Đúng giờ



Minh



Đến sớm



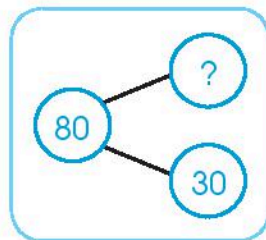
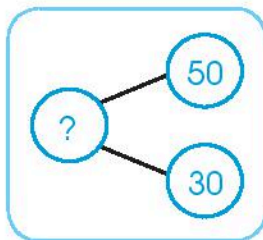
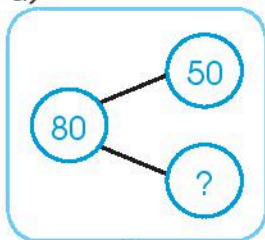
Thu



Đến trễ (muộn)

15 Nối theo mẫu.

a)

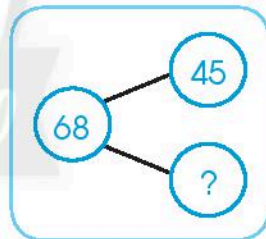
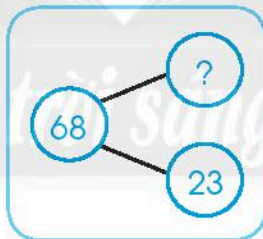
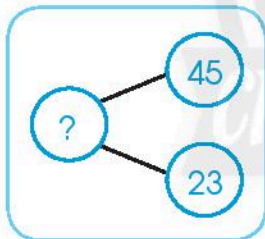


$$50 + 30 = 80$$

$$80 - 30 = 50$$

$$80 - 50 = 30$$

b)

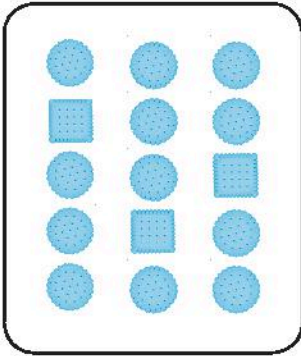


$$68 - 45 = 23$$

$$45 + 23 = 68$$

$$68 - 23 = 45$$

16 Làm theo mẫu.



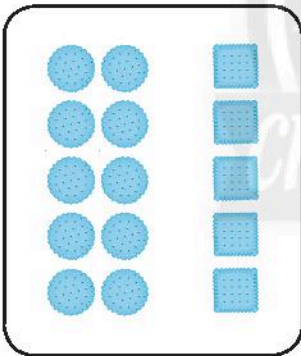
Có 10 cái bánh tròn và 5 cái bánh vuông.
Hỏi tất cả có bao nhiêu cái bánh?

$$10 + 5 = 15$$



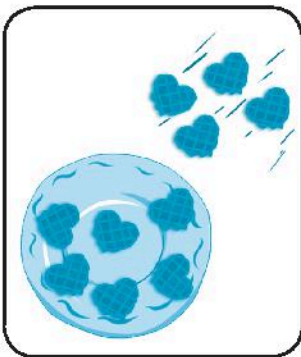
Có tất cả 15 cái bánh vuông và tròn, trong đó có 3 cái bánh vuông.
Hỏi có bao nhiêu cái bánh tròn?

.....



Có 10 cái bánh, ăn hết 3 cái. Hỏi còn lại mấy cái bánh?

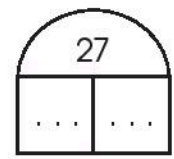
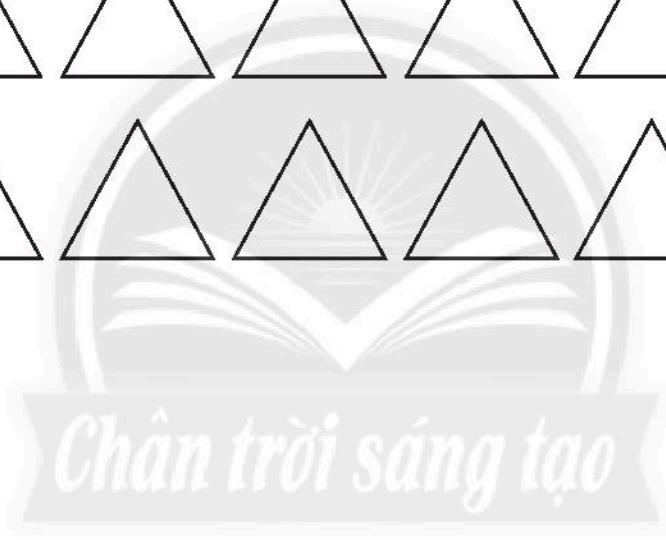
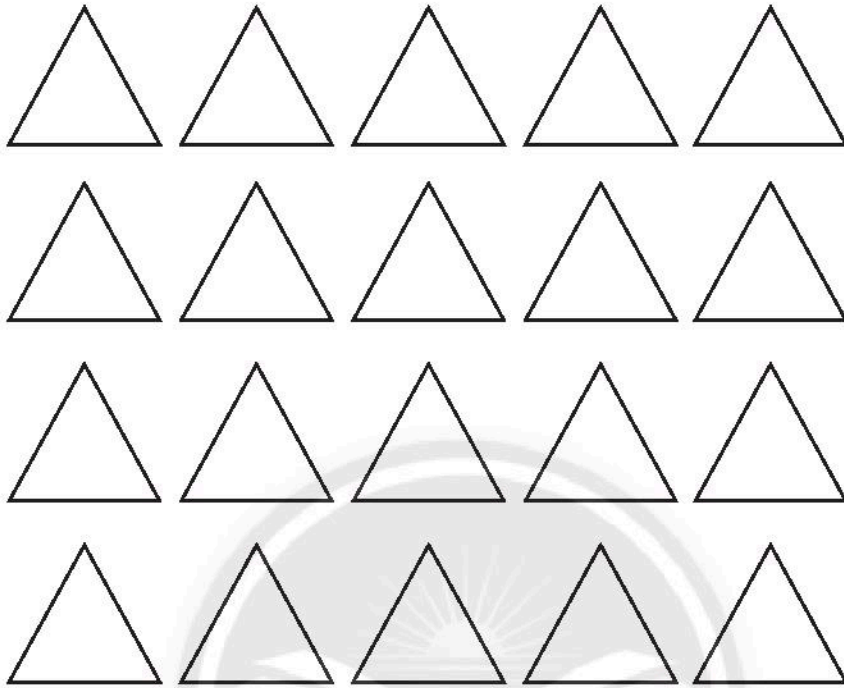
.....



Có 6 cái bánh, thêm 4 cái bánh. Hỏi tất cả có bao nhiêu cái bánh?

.....

17 Vẽ thêm để đủ 27 hình tam giác. Viết số vào chỗ chấm.



$$\dots + \dots = \dots$$

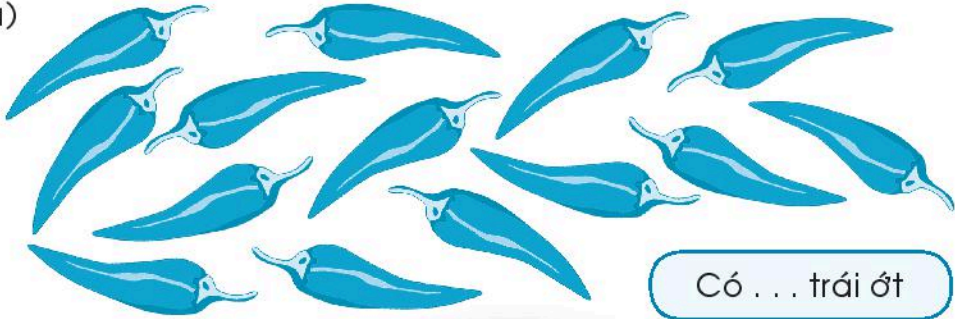
$$\dots - \dots = \dots$$



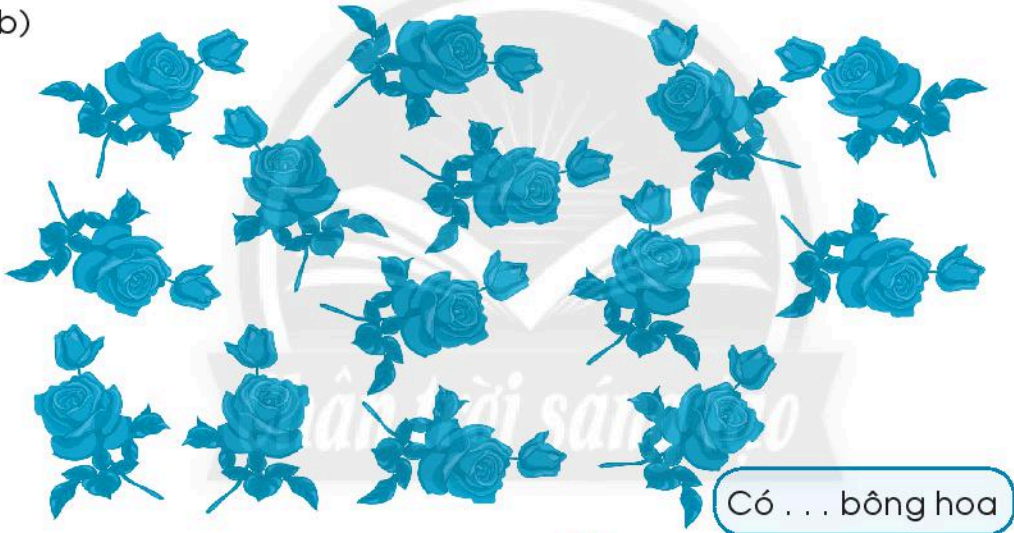
THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

1 Đếm, viết số vào chỗ chấm.

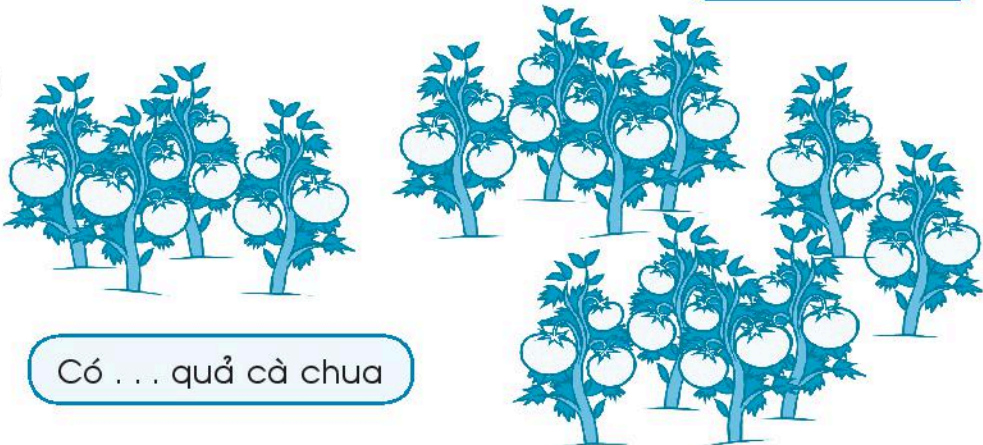
a)



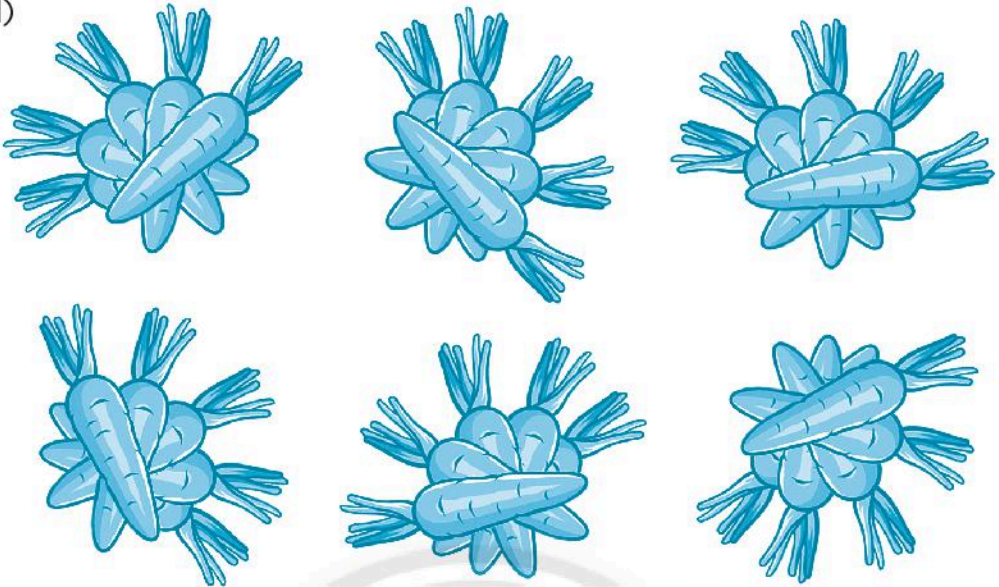
b)



c)



d)

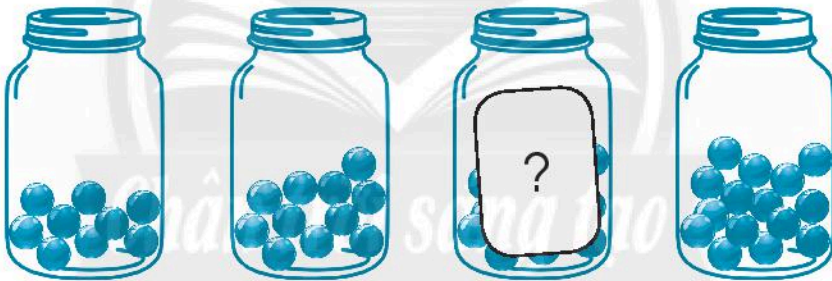


Có ... củ cà rốt

2

Viết số vào chỗ chấm.

a)



Bình thứ ba có ... hòn bi

b)



Bình cuối cùng có ... cái bánh
gồm ... cái bánh tròn
và ... cái bánh hình chữ nhật.

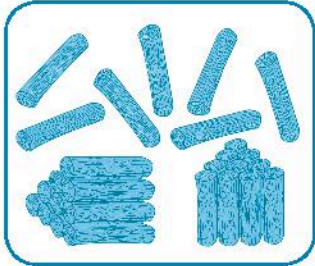


KIỂM TRA CUỐI NĂM

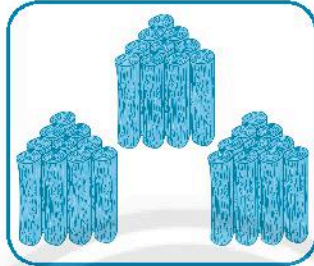
A. TRẮC NGHIỆM

I. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

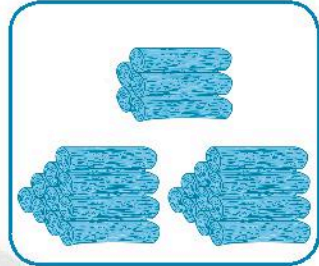
Câu 1. Hình nào có số khúc cây nhiều nhất?



A



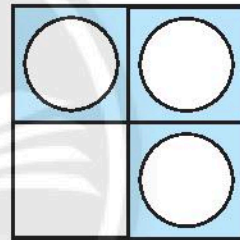
B



C

Câu 2. Hình bên có:

- A. 3 hình tròn và 1 hình vuông.
- B. 3 hình tròn và 4 hình vuông.
- C. 3 hình tròn và 5 hình vuông.



II. Nối theo yêu cầu.

Câu 3. Nối theo mẫu.

Tám mươi lăm

Một trăm

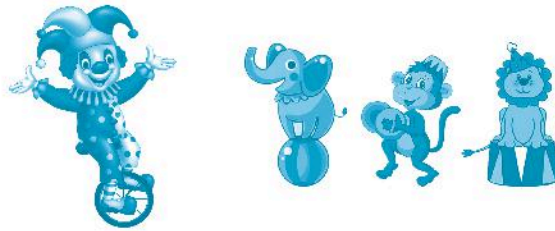
Chín mươi tư

Chín mươi mốt

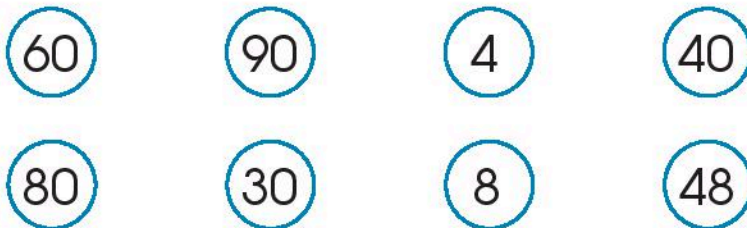


Câu 4. Nối đồng hồ và tờ lịch phù hợp với thông báo sau.

Thông báo: **7 giờ sáng thứ bảy, ngày 8** có mặt tại trường để xem xiếc.



Câu 5. Nối các số để có sơ đồ tách – gộp số.



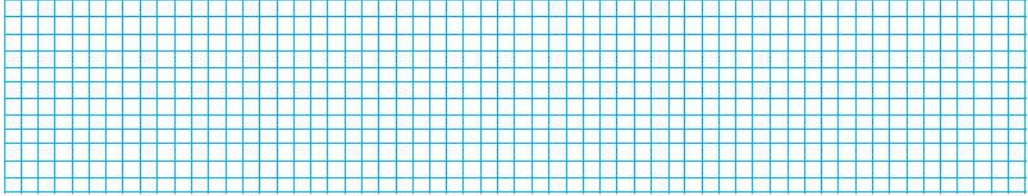
B. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

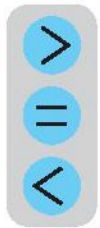
$78 - 52$

$16 + 43$

$5 + 84$



Câu 2.



?

$59 \dots 61$

$2 + 40 \dots 42$

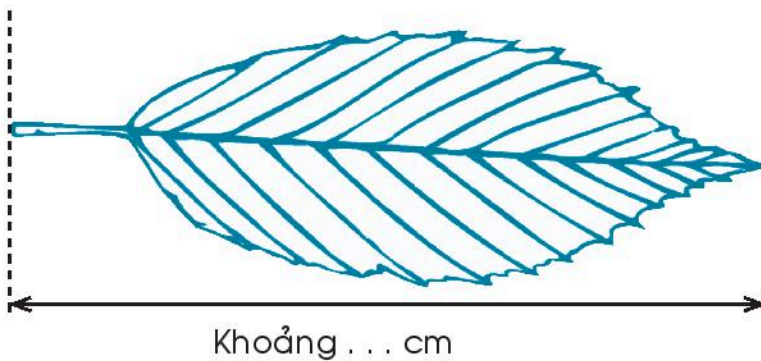
$80 \dots 58$

$72 + 3 \dots 72 + 4$

Câu 3. Viết phép tính phù hợp sơ đồ tách - gộp số.



Câu 4. Dùng thước thẳng đo, viết số đo.



MỘT SỐ HÌNH MẪU ĐỂ EM XẾP



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – TRẦN THANH HÀ

Thiết kế sách: ĐẶNG NGỌC HÀ – PHẠM NGỌC KHANG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: NGỌC HÀ – NGỌC KHANG

Sửa bản in: HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – TRẦN THANH HÀ

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 1 TẬP HAI

Mã số: G2BH1T002M20

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 07-2020/CXBIPH/5-1783GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-19593-7

Tập 2: 978-604-0-19594-4